



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0300430500 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/12/2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Cấp lần đầu ngày 20/09/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 454/QĐ-SGDHCM do SGDCK Tp.HCM
cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Trụ sở chính: Số 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3832 5889 – 3839 3931 Fax: (08) 3832 2807

Website: www.phanbonmiennam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH (HSC)

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3823 3299 Fax: (08) 3823 3301

Chi nhánh Hà Nội: 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 4693 Fax: (04) 3933 4822

Website: www.hsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Đình Thiện - Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam

Số CMND: 191243337, ngày cấp: 12/12/2012 tại CA Thừa Thiên Huế

Số điện thoại: (08) 3832 5889 – 3839 3931



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Trụ sở chính: Số 125B Cách Mạng Tháng Tám, P5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3832 5889 – 3839 3931

Fax: (08) 3832 2807

Website: www.phanbonmiennam.com.vn

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0300430500 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/12/2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp; Cấp lần đầu ngày 20/09/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Tổng số lượng niêm yết: 43.543.306 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 435.433.060.000 VNĐ

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

(Thực hiện kiểm toán năm 2012)

Trụ sở chính: Tầng 14 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3868 9566 – 3868 9588

Fax: (04) 3868 6248

Website: www.kiemtoanava.com.vn

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

(Thực hiện kiểm toán năm 2013)

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04) 3824 1990

Fax: (04) 3825 3973

Website: <http://www.aasc.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3823 3299

Fax: 08 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

**MỤC LỤC**

PHẦN I: CÁC RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù	7
4. Rủi ro lãi suất.....	8
5. Rủi ro khác	8
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	9
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	9
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	9
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	10
PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty	16
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông;	23
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết;	24
5. Hoạt động kinh doanh.....	25
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	49
6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất ...	49
6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	51
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	51
7.1 Vị thế của công ty trong ngành	51
7.2 Triển vọng của ngành	52
7.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh với các doanh nghiệp trong cùng ngành	52
7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và vị thế chung trên thế giới.....	55
8. Chính sách đối với người lao động.....	55
9. Chính sách cổ tức	57
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	57
11. Hội đồng quản trị, Ban giám Đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	64
12. Tài sản	77
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	79
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	81
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	81



16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	81
PHẦN V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	81
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	81
2. Mệnh giá: 10.000 đồng	81
3. Mã chứng khoán:	81
4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 43.543.306 cổ phiếu	81
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	82
6. Phương pháp tính giá	82
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	85
8. Các loại thuế có liên quan	85
PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	86
PHẦN VI: PHỤ LỤC	86

**DANH MỤC HÌNH VẼ, BIỂU ĐỒ, BẢNG BIỂU**

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.....	12
Bảng 2: Các danh hiệu, bằng khen và giải thưởng đã đạt được	13
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.....	24
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/07/2014	24
Bảng 5: Danh sách chi tiết sản phẩm.....	39
Bảng 6: Sản lượng sản phẩm tiêu thụ.....	41
Bảng 7: Cơ cấu sản phẩm theo doanh thu	41
Bảng 8: Cơ cấu sản phẩm theo lợi nhuận gộp.....	42
Bảng 9: Nhà cung cấp nguyên vật liệu chính	42
Bảng 10: Tình hình biến động giá nguyên liệu	43
Bảng 11: Cơ cấu chi phí trên doanh thu	43
Bảng 12: Các thiết bị dây chuyền máy móc.....	45
Bảng 13: Hệ thống phòng kiểm nghiệm phân tích.....	47
Bảng 14: Số mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm năm 2013	47
Bảng 15: Các hợp đồng lớn đã/đang được thực hiện	49
Bảng 16: Kết quả HĐKD	50
Bảng 18: Phân loại lao động.....	55
Bảng 19: Trả cổ tức	57
Bảng 20: Khấu hao tài sản.....	58
Bảng 21: Các loại thuế	58
Bảng 22: Trích lập các quỹ.....	59
Bảng 23: Tình hình vay và nợ ngắn hạn.....	60
Bảng 24: Tình hình vay và nợ dài hạn	60
Bảng 25: Khoản phải thu.....	61
Bảng 26: Nợ phải trả	61
Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính	63
Bảng 28: Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2013	78
Bảng 29: Tài sản của Công ty tại thời điểm 30/09/2014.....	78
Bảng 30: Tình hình đất đai tính đến hiện tại	78
Bảng 31: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức.....	80
Bảng 32: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	82
Bảng 33: Doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết.....	83
Bảng 34: Chỉ số P/E bình quân của doanh nghiệp cùng ngành.....	83
Bảng 35: Giá cổ phiếu bình quân của Công ty	85



PHẦN I: CÁC RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế là những biến đổi của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế tác động vào hoạt động của doanh nghiệp.

Trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã được gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài với khả năng tài chính dồi dào, công nghệ cao, kinh nghiệm hoạt động lâu năm sẽ thâm nhập dễ dàng hơn vào thị trường Việt Nam và cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Các cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính ở mức độ khu vực và thế giới khi xảy ra sẽ tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam. Các thách thức của hội nhập kinh tế sẽ là những yếu tố biến động khó lường, sẽ có tác động lớn đến tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam, làm tăng mức độ rủi ro đối với hoạt động của các doanh nghiệp.

Theo Nghị quyết 31/2012/QH13 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, các chỉ tiêu chủ yếu bao gồm: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 5,5%, tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 8%, nhập siêu khoảng 8% và xuất khẩu tăng 10%. GDP thực hiện của năm 2013 ở mức 5,42%, tuy chưa đạt được mục tiêu đặt ra là 5,5% nhưng đã thể hiện bước cải thiện so với năm 2012; CPI năm 2013 ở mức 6,04%, thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây (*Năm 2004 tăng: 9,5%; năm 2005: 8,4%; năm 2006: 6,6%; năm 2007: 12,63%; năm 2008: 19,89%; năm 2009: 6,52%; năm 2010: 11,75%; năm 2011: 18,13%; năm 2012: 6,81%*). Bức tranh kinh tế trong năm 2013 tuy đã có dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2012, tuy nhiên vẫn chưa thể hiện được sự cải thiện vững chắc để thoát khỏi khủng hoảng. Các doanh nghiệp trong nước vẫn chịu áp lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh như lượng hàng tồn kho ở mức cao, lượng cầu yếu, v.v và đặc biệt là tình hình nợ xấu trong hệ thống ngân hàng vẫn gây áp lực cho cả nền kinh tế. Tình hình kinh tế từ sau quý 1 năm 2014 đã có sự khởi sắc trong sản xuất nói chung, cùng với những biện pháp hỗ trợ của Chính phủ, hứa hẹn khả năng đạt được mức tăng trưởng GDP đặt ra ở mức 5,8% cho năm 2014. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia, tuy đã thoát đáy nhưng nền kinh tế phục hồi ở mức chậm và đặc biệt là ngành nông nghiệp chịu áp lực từ việc giảm giá nông sản.

Do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn gây tác động lên tình hình hoạt động của các ngành sản xuất nông nghiệp, khiến lượng cầu cho mặt hàng phân bón cũng bị chịu ảnh hưởng và sụt giảm. Để hạn chế bớt tác động của rủi ro kinh tế, trong năm 2014 Công ty chú trọng tiếp tục cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ và sản phẩm nhằm tăng cường vị thế sẵn có của mình trên thị trường nội địa và tiến tới mở rộng xuất khẩu.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi các luật sau: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật sở hữu trí tuệ, Luật về bảo vệ môi trường, v.v... Ngoài ra, Công ty còn chịu tác động của các chính sách và chiến lược của ngành. Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa được hoàn chỉnh, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều khó khăn. Sự điều chỉnh của các văn bản luật thuộc các lĩnh vực nêu trên còn thiếu nhất quán, thiếu ổn định và có những quy định chồng chéo nhau, đôi khi các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu cập nhật gây khó khăn trong việc áp dụng. Tuy nhiên, việc Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) cũng là điều kiện thuận lợi để môi trường pháp lý được cải thiện hơn và tuân theo các quy định chung của quốc tế.



Đặc biệt, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để tạo môi trường kinh doanh tốt hơn, nên rủi ro pháp luật không có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty nhưng sẽ tác động đến công tác hoạch định các chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Hoạt động của Công ty còn phải chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Khi Công ty đã trở thành công ty đại chúng và niêm yết chính thức thì phải tuân theo các quy định của Luật Chứng khoán. Hiện nay các văn bản trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi là khó tránh khỏi, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội. Về phía Công ty, các cán bộ chuyên trách đều được đào tạo, cập nhật các chính sách mới nhất để đảm bảo việc tuân thủ các quy định của luật pháp.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro đặc thù là những rủi ro tiềm ẩn đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Sản phẩm của Công ty phục vụ lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, vì vậy yếu tố mùa vụ, thời tiết, chính sách của Nhà nước, môi trường là những rủi ro chính ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

❖ Yếu tố thời tiết

Sự thay đổi của môi trường và thời tiết vào những năm gần đây liên tiếp gây ra những tác động xấu như lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh v.v... làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Do vậy, sản lượng tiêu thụ của sản phẩm phân bón chịu ảnh hưởng trực tiếp vào rủi ro khó đoán được trước này; tuy vậy, Công ty luôn cố gắng theo dõi tình hình thị trường nhằm chuẩn bị trước những tác động bất chợt của thời tiết lên lượng cầu phân bón khiến sản xuất tụt giảm.

❖ Yếu tố chính sách quản lý của Nhà nước

Chính phủ thường xuyên có những chính sách điều tiết và quản lý thị trường các sản phẩm liên quan tới nông nghiệp nhằm đảm bảo cho một bộ phận lao động lớn của nền kinh tế, do vậy những chính sách này sẽ có tác động lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Kể từ ngày thành lập, Công ty luôn tích cực cập nhật những thay đổi trong chính sách một cách nhanh chóng nhất nhằm đưa ra những quyết định liên quan đến việc dự phóng kế hoạch sản xuất một cách hiệu quả và giảm thiểu rủi ro từ việc thay đổi chính sách trên.

❖ Yếu tố môi trường:

Hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, Công ty đặc biệt chú trọng và bám sát chặt chẽ đến những tiêu chuẩn bảo vệ môi trường quy định bởi các chính sách của Nhà nước do thường xuyên được sự kiểm tra giám sát của các đơn vị liên quan trong khu vực. Sự thay đổi những quy định, chính sách bảo vệ môi trường trong tương lai cũng sẽ tác động đến công nghệ và quy trình sản xuất, dẫn tới thay đổi chi phí và lợi nhuận của Công ty.

❖ Rủi ro cạnh tranh

Việc gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA v.v... đã mang lại những tiềm năng to lớn cũng như đưa đến nhiều thách thức cho các Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón. Đó chính là cơ hội để mở rộng hoạt động kinh doanh, mở rộng sản xuất hướng tới thị trường quốc tế với những



cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng cũng như dịch vụ. Sự cạnh tranh này sẽ tạo điều kiện cho Công ty tăng cường năng lực, về chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng như về cách thức quản lý và hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, vì tính đặc thù của ngành gắn trực tiếp với ngành nông nghiệp của nước ta, các chính sách bảo vệ sản xuất trong nước sẽ được Chính phủ thực thi nhằm bảo hộ cho người nông dân. Điều này phần nào sẽ giảm thiểu mức độ cạnh tranh sau khi hội nhập.

❖ **Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào**

Biến động giá nguyên liệu là những ảnh hưởng mang tính hệ thống và xảy ra với toàn ngành; biến động của giá nguyên liệu đầu vào sẽ làm ảnh hưởng lớn tới giá thành sản xuất sản phẩm và sản lượng tiêu thụ cũng như lợi nhuận của Công ty. Ảnh hưởng giá cả nguyên liệu nhìn chung không có biến động quá lớn do nguồn nguyên liệu đầu vào hiện nay trong nước đã sản xuất được và đã thay thế được nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

❖ **Rủi ro của thị trường đầu ra:**

Trên thị trường phân bón hiện nay có xuất hiện hàng giả, hàng nhái và hàng kém chất lượng với giá bán thấp hơn giá của Công ty nên Công ty phải đối mặt với rủi ro về giá bán cạnh tranh. Ngoài ra sản phẩm của Công ty còn đối mặt với hàng ngoại nhập trên thị trường phân bón cũng ảnh hưởng ít nhiều đến sản lượng tiêu thụ đầu ra của Công ty.

4. Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Riêng đối với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, rủi ro lãi suất còn có thể xuất hiện ngay cả khi lãi suất thị trường giảm đột ngột ngoài dự tính.

Hiện nay, lãi suất trên thị trường hiện nay có xu hướng giảm dần nhưng lãi suất cho vay trên thị trường vẫn ở mức cao trên 8%/năm, với mức lãi suất này các công ty vay vốn từ ngân hàng phải trả mức tiền lãi tương đối cao cho ngân hàng, làm giảm đáng kể lợi nhuận của các công ty.

Đối với Công ty CP Phân bón Miền Nam, một công ty có cơ cấu nợ vay khá cao (đặc biệt là nợ ngắn hạn) thì việc thay đổi lãi suất sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro về lãi suất, Công ty đã thực hiện giảm dần số dư nợ vay ngân hàng. Cụ thể Công ty đã thực hiện chính sách giảm lượng tồn kho xuống mức tối ưu có thể để nhu cầu vốn lưu động Công ty cũng giảm dần và dẫn đến nhu cầu vay vốn ngân hàng cũng giảm dần, thể hiện qua số dư nợ và vay ngắn hạn tại 31/12/2012 là 988, 5 tỷ đồng, tại 31/12/2013 là 929,2 tỷ đồng và tại 30/09/2014 giảm xuống là 411,1 tỷ đồng (vay và nợ dài hạn không đáng kể).

5. Rủi ro khác

Giá cổ phiếu của Công ty còn có thể chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn v.v... là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, trước đây khi cổ phần hóa Công ty vào tháng 09 năm 2010, Công ty đã chọn hình thức giao đất 03 lô đất theo giá tạm tính tại 368 và 582 Kinh Dương Vương, Q. Tân Bình và tại C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh. Công ty đã ghi nhận 03 lô đất này trên BCTC Công ty từ khi cổ phần hóa



đến nay trên khoản mục tài sản vô hình quyền sử dụng đất và đồng thời ghi nhận đối ứng là khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước với số tiền 333,44 tỷ đồng về khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 03 lô đất này (*xem phần thuyết minh của Bảng 20 của Bản cáo bạch và thuyết minh BCTC 9 tháng đầu năm 2014*). Việc ghi nhận số dư phải trả tiền thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất 03 lô đất trên đã làm cho tài sản vô hình và số dư Nợ phải trả của Công ty cùng tăng một khoản tương ứng 333,44 tỷ đồng.

Hiện Công ty đã có công văn gửi lên Bộ tài chính và Tập Đoàn Hóa chất Việt Nam để kiến nghị xử lý theo hướng xin trả lại cho UBND TP.HCM 02 lô đất tại 368 và 582 Kinh Dương Vương và xin được thuê đất trả tiền hàng năm 01 lô đất còn lại tại C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh. Do 02 lô đất xin trả lại cho UBND TP.HCM hiện nay đang để trống và không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên việc trả lại cho UBND TP.HCM không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty cũng như không làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận kinh doanh của Công ty. Ngoài ra khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho trả lại 02 lô đất và cho thuê trả tiền hàng năm 01 lô đất còn lại, Công ty sẽ ghi giảm Tổng tài sản ở mục tài sản vô hình quyền sử dụng đất và đồng thời ghi giảm Nguồn vốn ở mục Khoản phải nộp Nhà nước tiền chuyển nhượng quyền sử dụng số tiền tương ứng là 333,44 tỷ đồng.

PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

- Ông Phùng Quang Hiệp Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Tấn Đạt Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông Hà Thanh Sơn Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Trần Hữu Cường Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3823 3299 Fax: (08) 3823 3301

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Thanh Cần** Chức vụ: **Giám đốc Điều hành**

(Theo Giấy ủy quyền số 08-2011/GUQ-HSC-KSNB ngày 14/07/2011 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam cung cấp.

**PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM**

- “Công ty” hay “Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam”: Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300430500 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, đăng ký lần đầu vào ngày 20/09/2010.
- “Bản cáo bạch”: bản công bố thông tin của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- “Cổ phần”: vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- “Cổ phiếu”: chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
- “Cổ đông”: tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của (Công ty) và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
- “Cổ tức”: khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
- “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
- “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
- “Ban Tổng Giám đốc”: Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
- “Vốn điều lệ”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ công ty.
- “Tổ chức niên yết”: Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
- “Tổ chức tư vấn niêm yết”: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC).
- “Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) (Thực hiện kiểm toán năm 2012) và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (Thực hiện kiểm toán năm 2013).

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

– ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
– HĐQT	Hội đồng quản trị.
– BKS	Ban kiểm soát.
– TGD	Tổng Giám đốc.
– BTGD	Ban Tổng Giám đốc.
– CBCNV	Cán bộ công nhân viên.
– UBND	Ủy ban Nhân dân.
– TSCĐ	Tài sản cố định.
– TSLĐ	Tài sản lưu động.
– SGDCK TP. HCM	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
– UBCKNN	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.



- TP. HCM Thành Phố Hồ Chí Minh.
- XDCB Xây dựng cơ bản.
- QTVP Quản trị văn phòng.
- QTCL Quản trị chất lượng.
- NH Ngân hàng.
- NHTMCP Ngân hàng thương mại cổ phần.
- TNDN Thu nhập doanh nghiệp.
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn.
- GDP Tổng sản phẩm quốc nội.
- CMND Chứng minh nhân dân.
- ĐKKD Đăng ký kinh doanh.

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về công ty

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Tên viết tắt: **THE SOUTHERN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch: **SFJC**

Logo:



Trụ sở chính: Số 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 3832 5889 – 3839 3931

Fax: (08) 3832 2807

Website: www.phanbonmiennam.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0300430500 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/12/2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp; Cấp lần đầu ngày 20/09/2010.

Vốn điều lệ hiện tại: 435.433.060.000 VND



Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 27/12/2013, ngành nghề kinh doanh của Công ty Phân bón Miền Nam bao gồm:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón các loại (supe lân, NPK, phân bón lá Yogen...) (không hoạt động tại trụ sở)	2012 (Chính)
2.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng (không hoạt động tại trụ sở)	2394
3.	Sản xuất hóa chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không hoạt động tại trụ sở)	2011
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất	4659
5.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất	3320
6.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật	2021
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở)	2220
8.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản	4620
10.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810



- Chi tiết: Kinh doanh cơ sở hạ tầng và đầu tư khu dân cư. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản)

11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
	Chi tiết:	
	o Kinh doanh phân bón các loại (supe lân, NPK, phân bón lá Yogen,...)	
	o Kinh doanh xi măng	
	o Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác	
	o Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật	
	o Kinh doanh bao bì PP và PE	

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

2.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam được thành lập theo quyết định số 426/HC-QĐ ngày 19/04/1976 của Tổng Cục Hóa Chất Việt Nam. Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam đã chính thức chuyển đổi hình thức quản lý sản xuất kinh doanh sau 34 năm thành lập sang hoạt động mô hình cổ phần hóa chính thức từ ngày 01/10/2010.

Trong những năm đầu các thiết bị máy móc còn thô sơ nên Công ty chỉ đưa ra thị trường 50.000 tấn/năm các sản phẩm phân bón lá hữu cơ dạng bột, phân apatit nghiền, phân NPK hỗn hợp dạng bột có hàm lượng dinh dưỡng thấp. Khi đất nước chuyển sang kinh tế thị trường, Công ty đã đầu tư chiều sâu, nghiên cứu đổi mới công nghệ máy móc thiết bị tạo hạt bằng hơi nước tiên tiến trên thế giới với chi phí thấp và sản xuất thành công phân bón NPK cao cấp có đầy đủ các hàm lượng đa trung vi lượng cao chuyên dùng cho nhiều loại cây trồng, loại đất khác nhau của Việt Nam.

Hiện nay, Công ty sản xuất hơn 600.000 tấn phân bón các loại đạt doanh thu hơn 4.500 tỷ đồng với hơn 1.100 cán bộ công nhân viên, công ty có 9 đơn vị trực thuộc và một liên doanh với tập đoàn LG Chem, Hàn Quốc.

Công ty còn thành lập một Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Phân bón, chuyên nghiên cứu, phân tích đặc tính lý hóa của từng vùng đất, từng loại cây trồng. Trung tâm thường xuyên cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới về nông nghiệp và môi trường để từ đó chọn lọc, thiết kế các sản phẩm đặc trưng thích ứng cho từng vùng đất, từng loại cây trồng.

Ngoài ra, Công ty còn có mạng lưới đại lý bán hàng rộng khắp, với hơn 400 đại lý cấp I, hơn 10.000 đại lý cấp II trên toàn quốc và các nước trong khu vực.

Bảng 2: Các danh hiệu, bằng khen và giải thưởng đã đạt được

Năm	Các danh hiệu, bằng khen và giải thưởng
1995	Bằng khen của Bộ Công Nghiệp.
1996	Bằng khen của Bộ Công Nghiệp.
1997	Cờ luân lưu của Chính phủ.



Năm	Các danh hiệu, bằng khen và giải thưởng
1998	Tổng Liên đoàn Lao động tặng cho 11 cá nhân Huy chương vì sự nghiệp phát triển tổ chức công đoàn. Bộ Công nghiệp tặng cờ đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua. Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam tặng bằng khen cho 6 cá nhân.
1999	Bộ Công nghiệp tặng cờ đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam tặng bằng khen cho 10 cá nhân.
2000	Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng II cho CBCNV Công ty.
2005	Nhà nước tặng Huân chương Độc Lập Công ty.
2007	Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam tặng 14 bằng khen cho tập thể và cá nhân xuất sắc.
2008	Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam tặng bằng Lao Động Sáng Tạo cho 2 ông Nguyễn Tấn Đạt (Giám đốc công ty) và ông Trần Công Khoa (Phó Giám đốc Nhà máy Super Phosphate Long Thành).
2009	Bộ Công thương tặng cờ: Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua. Nhận Huân chương Lao động hạng II của nhà nước trao tặng. Công đoàn Công ty được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng II.
2010	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ Công đoàn Cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng cờ: Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua. Tổng Giám đốc Công ty được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”. Công ty được tặng cờ thi đua Chính phủ. Công đoàn Công ty được Tổng Liên đoàn Lao động VN tặng cờ thi đua.
2011	Nhận Huy Chương Độc Lập hạng nhì của Chính phủ trao tặng. Cờ: Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Chính phủ trao tặng. Cờ: Đơn vị Đạt giải Nhất "90 ngày thi đua nước rút cuối năm 2011" của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam trao tặng.



Năm	Các danh hiệu, bằng khen và giải thưởng
2012	Nhận cờ thi đua Bộ Công Thương năm 2012 Được Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam tặng thưởng danh hiệu “đơn vị đạt doanh thu cao nhất năm 2012 “
2013	Được tặng cờ Công đoàn Công Thương Việt Nam “ Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động công đoàn “ Được Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam tặng thưởng danh hiệu “đơn vị đạt doanh thu cao nhất năm 2013“



Quá trình tăng vốn

Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam báo cáo về quá trình tăng vốn của công ty kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm 20/09/2010 (căn cứ ngày Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300430500 được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 20/09/2010 dưới hình thức cổ phần hóa DNNN thành công ty cổ phần)

- Vốn điều lệ: 377.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy tỷ đồng)
- Số lượng cổ phiếu: 37.700.000 cổ phiếu (Ba mươi bảy triệu bảy trăm cổ phiếu)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông: 844 cổ đông

Các đợt tăng vốn của Công ty: Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty đã thực hiện hai lần tăng vốn:

❖ Tăng vốn đợt 1 ngày 12/06/2012

- Hình thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Vốn điều lệ trước phát hành: 377.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 414.699.890.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu



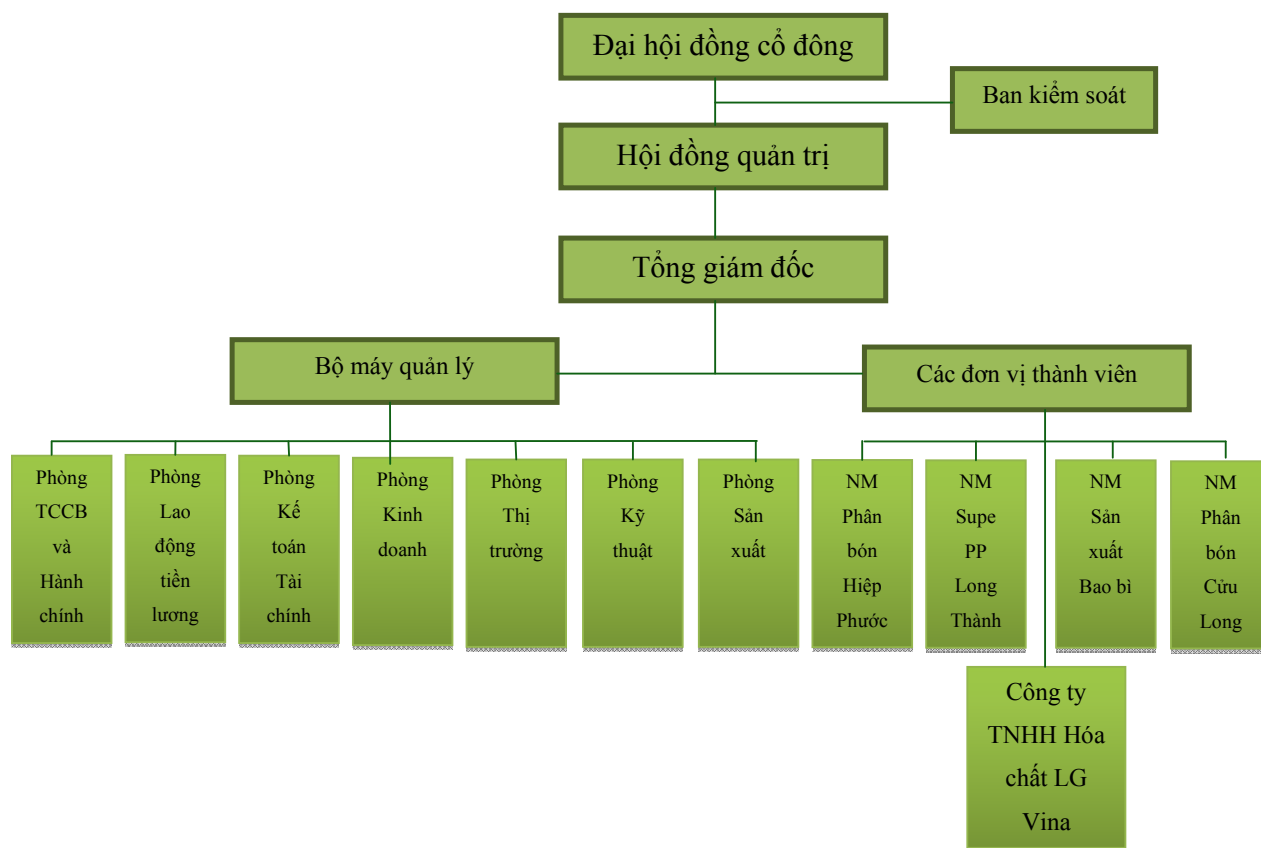
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 3.769.989 cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền : 10% (nghĩa là 10:1)
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 844 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 844 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Đại Hội đồng cổ đông, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM

❖ **Tăng vốn đợt 2 ngày 03/11/2013**

- Hình thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Vốn điều lệ trước phát hành: 414.699.890.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 435.433.060.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 2.073.317 cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền : 05% (nghĩa là 20:1)
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 804 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 804 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Đại Hội đồng cổ đông, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam



Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Diễn giải cơ cấu tổ chức Công ty:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:

- Các báo cáo tài chính năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền lợi gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;



- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát Công ty có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;



- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.

❖ **Tổng Giám đốc:**

Ban Giám đốc Công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào kỳ họp Hội đồng quản trị cuối năm tài chính hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và pháp luật.

❖ **Bộ máy quản lý**

Phòng Tổ chức cán bộ (TCCB) và Hành chính

- Tổ chức bộ máy
- Quản trị cán bộ



- Quản trị hành chính

Nhiệm vụ :

- Tham mưu tổ chức bộ máy phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn
- Quản lý, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng và đào tạo cán bộ
- Xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực
- Tham mưu thực hiện công tác Thi đua – Khen thưởng và Kỷ luật
- Tham mưu soạn thảo các chính sách, chế độ chung về người lao động trong Công ty
- Thực hiện công việc lễ tân, đón tiếp khách, tổ chức các Hội nghị
- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ
- Thực hiện công tác an ninh và bảo vệ nội bộ
- Quản lý tài sản phục vụ làm việc ở văn phòng Công ty

Phòng Lao động Tiền lương

- Công tác tổ chức lao động và tiền lương
- Thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động

Nhiệm vụ :

- Kế hoạch lao động tiền lương, định mức và đơn giá tiền lương, tiền công
- Xây dựng chính sách, chế độ tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác liên quan đến tiền lương
- Tuyển dụng, điều động người lao động làm nhiệm vụ trực tiếp sản xuất
- Ký kết và theo dõi việc thực hiện hợp đồng lao động
- Thực hiện các chế độ nghỉ việc, thôi việc và nghỉ hưu của NLĐ
- Thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ
- Tham gia với tư cách là Thành viên hội đồng bảo hộ lao động
- Phối hợp công tác đào tạo cho công nhân trực tiếp sản xuất
- Thường trực nhận và thực hiện công tác Đảng, đoàn thể công ty
- Thực hiện việc giao dịch về pháp lý công ty
- Thực hiện nhiệm vụ hành chính, quản trị văn phòng.

Phòng Kế hoạch Tài chính

- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán – tài chính theo pháp luật
- Kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính, sử dụng các nguồn vốn, các biện pháp bảo toàn các nguồn vốn giao cho các nhà máy trực thuộc
- Kiểm tra, giám sát bộ môn nghiệp vụ theo ngành dọc ở các nhà máy trực thuộc về chế độ hạch toán, kiểm toán nội bộ và Nhà nước.

Nhiệm vụ :

- Xây dựng quy chế tài chính hàng năm
- Xây dựng quy chế, quy định chế độ hạch toán, kế toán thống nhất toàn công ty



- Xây dựng quy định báo cáo ngày, tuần, tháng về hoạt động tài chính, sử dụng các nguồn vốn, hạch toán giá thành sản phẩm trong SX-KD
- Chủ động thường xuyên kiểm tra, thẩm tra tính trung thực số liệu báo cáo của các nhà máy trực thuộc
- Thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm toán, quyết toán định kỳ theo quy định của công ty và Nhà nước
- Phân tích, đánh giá hiện quả SX-KD, tình hình hoạt động tài chính, tình hình sử dụng vốn ở các nhà máy trực thuộc, hàng tháng báo cáo Tổng giám đốc
- Là trung tâm tập hợp báo cáo thống kê của các đơn vị trực thuộc, báo cáo theo yêu cầu của Tổng giám đốc để điều hành hoạt động SX-KD theo thời điểm
- Trực tiếp quan hệ, giao dịch với các tổ chức tài chính, tín dụng để vay vốn, tạo nguồn vốn đáp ứng yêu cầu về tài chính cho SX-KD.

Phòng Kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch SX-KD tháng, quý, năm
- Thực hiện các nghiệp vụ giao dịch : mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm bao gồm các xuất, nhập khẩu
- Thực hiện các nghiệp vụ quản lý kho tàng về vật tư, hàng hóa của từng nhà máy SX và toàn công ty
- Lập báo cáo tháng, quý, năm về kết quả thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý.

Nhiệm vụ :

- Xây dựng quy chế, quy định, phân cấp việc mua vật tư, nguyên liệu, việc bán sản phẩm (kể cả kinh doanh vật tư)
- Xây dựng quy định quản lý kho tàng, quy định chế độ báo cáo về vật tư, hàng hóa ở nhà máy và công ty (cả số lượng lẫn chất lượng và sự biến động)
- Thực hiện các nghiệp vụ giao dịch hàng ngày, dự báo biến động về giá cả và khả năng cung cấp vật tư, hàng hóa trên thị trường trong và ngoài nước, kịp thời báo cáo lãnh đạo công ty
- Thực hiện các thủ tục pháp lý với các đối tác, các cơ quan hữu quan về nghiệp vụ giao nhận hàng hóa
- Thực thi chức năng kiểm tra, giám sát việc giao nhận, bảo quản, sử dụng vật tư, hàng hóa ở các nhà máy sản xuất
- Lập báo cáo theo quy định về kết quả thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý.

Phòng Thị trường

- Thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực xây dựng và phát triển thị trường
- Quản lý, điều hành công tác quảng cáo, tiếp thị và bán hàng

Nhiệm vụ :

- Xây dựng quy chế, quy định, phân cấp thực hiện thống nhất toàn công ty các nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực :
 - Xây dựng và phát triển thị trường, quảng cáo, tiếp thị và hội thảo
 - Bán hàng và các quy định về chế độ, chính sách bán hàng
 - Quan hệ và giao dịch với khách hàng



- Xây dựng kế hoạch đầu tư, phát triển thị trường ngắn hạn và dài hạn
- Thường xuyên theo dõi và nắm bắt các biến động của thị trường thuộc lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm
- Phụ trách trang web công ty
- Kiểm tra, giám sát và báo cáo việc thực hiện các quy chế, quy định của công ty thuộc lĩnh vực quản lý và đề xuất các biện pháp xử lý.

Phòng Kỹ thuật

- Thực hiện các nghiệp vụ đầu tư xây dựng, các công trình nhà xưởng sản xuất, đầu tư thiết bị sản xuất và phục vụ sản xuất
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và bất động sản
- Quản lý pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng bất động sản
- Nghiên cứu phát minh sáng chế, cải tiến đổi mới thiết bị sản xuất và phục vụ sản xuất
- Đảm trách thực hiện các nghiệp vụ an toàn lao động và các nghiệp vụ liên quan đến an toàn lao động

Nhiệm vụ :

- Xây dựng quy trình, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng các công trình nhà xưởng sản xuất, cơ sở hạ tầng và bất động sản
- Xây dựng quy chế, quy định phân cấp thực hiện các công trình, dự án, mua sắm các loại thiết bị kỹ thuật sản xuất và phục vụ sản xuất
- Lập lý lịch để quản lý, theo dõi sự biến động các loại thiết bị, máy móc, TSCĐ cả số lượng lẫn chất lượng của từng đơn vị trực thuộc
- Quan hệ với các cơ quan chức năng, lập các thủ tục pháp lý xác định quyền sở hữu và quyền sử dụng các cơ sở nhà đất toàn công ty
- Thiết lập và lưu trữ hồ sơ về nhà đất
- Lập dự án chi tiết và dự trù kinh phí đầu tư cho từng công trình xây dựng, từng loại thiết bị trình Tổng giám đốc phê duyệt
- Xây dựng quy chế quản lý, quy định điều hành, các quy trình thủ tục về công tác an toàn lao động và các công tác khác liên quan đến an toàn lao động
- Xây dựng chương trình hoạt động cụ thể đối với từng nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của công tác an toàn lao động
- Xây dựng nội quy làm việc đảm bảo an toàn lao động phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhà máy sản xuất
- Thực hiện các chế độ kiểm tra, kiểm soát, tập huấn, ... về các nghiệp vụ thuộc an toàn lao động
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý các cấp.

Phòng Sản xuất

- Xây dựng kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm giao cho các nhà máy trực thuộc thực hiện
- Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất phù hợp với từng loại thiết bị, từng loại sản phẩm để thống nhất cho toàn công ty
- Xây dựng định mức tiêu hao vật tư – nguyên liệu, lao động cho sản phẩm thống nhất toàn công ty



- Kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động sản xuất ở các nhà máy trực thuộc, kể cả chất lượng sản phẩm
- Nghiên cứu các loại sản phẩm mới
- Chịu trách nhiệm pháp lý về danh mục sản phẩm và nhãn hiệu hàng hóa.

Nhiệm vụ :

- Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất thống nhất toàn công ty, hướng dẫn việc thực hiện đối với từng loại thiết bị, từng loại sản phẩm
- Xây dựng định mức lao động, định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, điện năng cho sản phẩm
- Xây dựng các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm theo quy định nội bộ và quy định của Nhà nước
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tại hiện trường việc thực hiện các quy trình, quy định về sản xuất của mỗi nhà máy trực thuộc một tuần / lần
- Trực tiếp kiểm tra chất lượng sản phẩm của các nhà máy và phúc tra việc phân tích chất lượng sản phẩm đối với các bộ môn KCS ở nhà máy trực thuộc
- Hàng tháng lập báo cáo sản lượng sản phẩm sản xuất ra và vật tư, nguyên liệu tiêu tốn. Phân tích, đánh giá chất lượng sản phẩm qua cân bằng vật chất so sánh với kết quả phân tích
- Hàng tháng thống kê, theo dõi lượng sản phẩm bị trả lại và phân tích tìm nguyên nhân khắc phục
- Kiểm tra chất lượng bao bì, tính hợp pháp của sản phẩm ghi trên bao bì
- Thực hiện các thủ tục đăng ký danh mục sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa với cơ quan Nhà nước. Thường xuyên cập nhật các thông tin pháp lý trong lĩnh vực này
- Nghiên cứu để sản xuất ra các loại sản phẩm mới. Nghiên cứu cải tiến, đổi mới quy trình công nghệ sản xuất và các hợp chất tạo ra sản phẩm có tính ưu việt hơn.

❖ ***Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc:***

▪ **Nhà máy sản xuất Bao bì :**

Địa điểm : C1/3 Ấp 3, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 3756 0369 - Fax : (08) 3756 0369

▪ **Nhà máy Phân bón Hiệp Phước:**

Địa điểm : Lô B2, KCN Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 3781 8964 -Fax : (08) 3781 8962

▪ **Nhà máy Phân bón Cửu Long:**

Địa điểm : 405 Quốc lộ 1A, Tân Hòa, Vĩnh Long
Điện thoại : (070) 382 2421 – 382 2910 - Fax : (070) 380 0215

▪ **Nhà máy Super Phosphate Long Thành:**

Địa điểm : KCN Gò Dầu, Long Thành, Đồng Nai
Điện thoại : (061) 384 1188 – 382 7068 -Fax : (061) 384 120

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông;

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/09/2014

**Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần**

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1.	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061	28.326.194	65,05
Cộng				28.326.194	65,05%

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

3.2 Cơ cấu cổ đông**Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/07/2014**

ST T	Loại	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Giá trị theo mệnh giá(VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Nhà nước	02	29.326.194	293.261.940.000	67,35%
II	Trong nước (không tính Nhà nước)	763	14.217.112	142.171.120.000	32.65%
1	Cá nhân	757	11.584.925	115.849.250.000	26.61%
2	Tổ chức	06	2.632.187	26.321.870.000	6.04%
III	Nước ngoài	-	-	-	-
	Tổng cộng	765	43.543.306	435.433.060.000	100,00%

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

3.3 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết;

❖ **Công ty mẹ hoặc nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là công ty mẹ nắm cổ phần chi phối 65,05% đối với Công ty cổ phần Phân Bón Miền Nam:

Địa chỉ : 1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số cổ phần sở hữu : 65,05% vốn điều lệ

Vốn điều lệ (30/09/2014) : 16.000.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị hoá chất; đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.



- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; Kinh doanh hoá chất cơ bản, hoá chất tiêu dùng; Kinh doanh phân bón;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; Công nghiệp chế biến cao su; Sản xuất phân bón, hoá chất cơ bản, hoá chất tiêu dùng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp hoá chất;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp hoá chất;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất phân bón và hoá chất.

❖ **Công ty con hoặc những công ty mà Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối:**

Không có

❖ **Công ty liên doanh liên kết của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam:**

Công ty TNHH Hóa chất LG Vina :

Địa chỉ : KCN Gò Dầu, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai

Điện thoại : (061) 384 1241 - Fax : (061) 384 1230

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa điểm : Phòng 1101, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3827 8070 - Fax: (08) 3827 8069

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000144 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp thì ngành nghề kinh doanh: Sản xuất DOP, thực hiện quyền xuất khẩu sản phẩm DOP, thực hiện quyền nhập khẩu các sản phẩm hóa chất gồm: DOP, DINP, TOTM, TINTM, DOA, DBP, Normal Bulyl Alcohol, Acrylic Acid, Methyl acrylate, Ethyl acrylate, Bulyl acrylate, GI300.

Vốn Điều lệ: 60.800.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP Phân bón Miền Nam: 35% vốn điều lệ.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Các sản phẩm chính và sản lượng qua các năm

❖ **Giới thiệu các sản phẩm chính**

Công ty Phân bón Miền Nam cung cấp cho thị trường hơn 170 sản phẩm với các chủng loại sản phẩm chính là phân NPK (phân bón NPK và NPK hữu cơ), Phân bón lá Yogen, phân lân, Axit sulphuric H₂SO₄ và bao bì.

5.1.1. Phân bón NPK

Tổng năng suất (gồm bán thành phẩm hạt NPK và thành phẩm NPK) : 720.000T/n

Bao gồm:

- o 1 dây chuyền tạo hạt NPK bằng hơi nước trong thùng quay công suất 150.000T/n



- o 2 dây chuyền tạo hạt NPK bằng hơi nước trong thùng quay công suất 60.000T/n
- o 5 dây chuyền sản xuất NPK trộn (thành phẩm) công suất 90.000T/n

N, P, K là ký hiệu của 3 thành phần dinh dưỡng Đạm, Lân, Kali của phân bón NPK. Các ký hiệu số kèm theo thể hiện thành phần phần trăm của các chất dinh dưỡng tương ứng nêu trên và được tính chuyển ra N, P₂O₅, K₂O.

i. Tác dụng của Đạm (N)

- Là thành phần chủ yếu cấu tạo nên tế bào thực vật, chất nguyên sinh, diệp lục tố..., giúp cây trồng duy trì sự sống.
- Cần cho sự phát triển tất cả các bộ phận của cây, thúc đẩy sự đẻ nhánh, đâm cành, vươn cao, phát triển thân lá.
- Đạm được tích lũy dần trong các bộ phận sinh sản của cây: quả, hạt, củ.
- Tham gia thành phần chính của protein, các acid amin, acid nucleic.
 - o Thiếu Đạm: Cây còi cọc, lá úa vàng, chậm lớn, kém đẻ nhánh, quả bé, năng suất thấp.
 - o Thừa Đạm: Lá sẽ phát triển mạnh, cây mọc vòng, cao, mềm, dễ bị lốp và trở non, dễ bị sâu bệnh làm hại.

ii. Tác dụng của Lân (P)

- Là thành phần cấu tạo nên một số chất quan trọng trong cây như acid nucleic, protein, amino acid...
- Cần thiết cho quá trình phân chia tế bào.
- Tham gia quá trình tổng hợp hydro cacbon.
- Giữ vai trò quan trọng trong quá trình hô hấp, quang hợp.
- Giúp cho quá trình hút Đạm tăng lên, kích thích sự phát triển của bộ rễ, của mô, thúc đẩy sự đẻ nhánh, hình thành các nốt sần, kích thích sự ra hoa, làm quả mau chín, hạt mẩy, tăng phẩm chất nông sản.
 - o Thiếu Lân: Rễ ít, ngắn, cây yếu mềm, ra hoa kết quả kém, dễ bị sâu bệnh phá hoại, nhất là dễ bị lốp và trở non.

iii. Tác dụng của Kali (K)

- Giúp cây trồng vận dụng và vận chuyển được dễ dàng các chất, nhất là Đạm.
- Tăng cường khả năng giữ nước và thẩm nước của tế bào, giúp cây chịu được rét, chịu khô hạn, sương giá, chống được sâu bệnh.
- Kích thích sự hoạt động của các loại men, tăng cường quá trình quang hợp, tạo thành chất bột, đường cần thiết cho sự cấu thành củ và hạt.
- Tăng trọng lượng cũng như phẩm chất nông sản.
 - o Thiếu Kali: Đạm bị ứ đọng, vận chuyển khó khăn, cây dễ bị lốp, không cứng, phát triển không điều hòa. Quả, củ, hạt ít, bé, không ngon, ngọt, làm mất năng suất và phẩm chất nông sản.

Ngoài ra trong phân bón NPK còn có thể bổ sung các thành phần trung vi lượng.

i. Tác dụng của các thành phần trung lượng đối với cây trồng:

- Canxi(Ca):



- Khi thiếu: Lá và đọt non dễ bị cong queo và nhỏ, mép lá không đều, hay có hiện tượng chồi chết ngọn, rễ đình trệ sinh trưởng và thường bị thối...
- Không có triệu chứng dư, tuy nhiên khi lượng canxi cao thường gây thiếu: B, Mn, Fe, Zn, Cu...
- Ma-nhê (Mg):
 - Nếu thiếu: lá trở nên nhỏ, xuất hiện những vùng sáng giữa những gân lá, lá bị rụng sớm, hoa ra ít, rễ kém phát triển...
 - Nếu thừa: lá bị đổi dạng thường cuộn theo hình xoắn ốc và rụng...
- Lưu huỳnh(S):
 - Khi thiếu, triệu chứng thể hiện giống như thiếu chất đạm; lá nhỏ, vàng đều, rụng sớm, chồi ngọn chết(thiếu lưu huỳnh lá vàng từ ngọn xuống còn thiếu đạm thì vàng từ lá già lên).
- Silic(Si): Silic tăng cường hệ thống miễn dịch cho cây, giúp cây tăng trưởng nhanh, khỏe mạnh. Tăng cường sức đề kháng cho cây chống lại các loại côn trùng và vi sinh vật gây hại như: sâu, rầy, nấm và vi khuẩn. Tăng năng suất cây trồng, đặc biệt cây lúa rất cần silic hơn các loại chất dinh dưỡng cơ bản khác như N P K. Chất silic sẽ giúp thân lúa khỏe mạnh, cứng cáp, chịu ngập và chịu gió tốt. Có khả năng kháng lại một số loại vi sinh vật và côn trùng gây hại như: rầy và ốc bươu vàng. Silic (S) có các ưu điểm khi sử dụng có thể tóm tắt như sau:
 - Silic giúp tăng cường độ cứng cho thân cây, ngăn ngừa sâu bệnh và côn trùng gây hại.
 - Giúp bảo vệ đất do sử dụng các hóa chất. Tăng cường độ màu mỡ cho đất và có khả năng giữ nước tốt. Giúp cân bằng và nâng cao lượng khoáng chất trong đất để cây trồng hấp thụ.
 - Phân chứa silic giúp cho các loại cây trồng và hoa màu không bị thoái hóa giống. Giúp tăng năng suất cây trồng, rau quả có vị thơm ngon. Đặc biệt đối với cây lúa và ngô sử dụng phân có silic sẽ cho năng suất cao.

ii. Tác dụng của các thành phần vi lượng đối với cây trồng:

- Sắt (Fe): Sắt là chất xúc tác để hình thành nên Diệp Lục và hoạt động như là một chất mang Oxy. Nó cũng giúp hình thành nên một số hệ thống men hô hấp. Thiếu Sắt gây ra hiện tượng màu xanh lá cây nhợt nhạt (bạc lá) với sự phân biệt rõ ràng giữa những gân lá màu xanh và khoảng giữa màu vàng. Vì Sắt không được vận chuyển giữa các bộ phận trong cây nên biểu hiện thiếu trước tiên xuất hiện ở các lá non gần đỉnh sinh trưởng của cây. Thiếu sắt nặng có thể chuyển toàn bộ cây thành màu vàng tới trắng lợt.
- Kẽm (Zn): Vai trò quan trọng trong việc tổng hợp chất đạm... ngoài ra còn liên quan mật thiết đến việc hình thành các chất điều hòa sinh trưởng trong cây...Thiếu kẽm năng suất, phẩm chất cây trồng giảm.
- Đồng (Cu): Ảnh hưởng đến sự tổng hợp nhiều chất dinh dưỡng của cây trồng, có vai trò quan trọng trong quá trình sinh trưởng phát triển của cây;giúp cây tăng khả năng chịu hạn, chịu nóng, chịu lạnh...
- Bo (B): Đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành phần hoa, thiếu Bo hoa dễ bị rụng hoặc hạt bị lép. đối với một số cây như củ cải thiếu Bo ruột sẽ bị rỗng. Cây trồng nói chung thiếu Bo dễ bị sâu bệnh phá hại, khả năng chống chịu điều kiện bất lợi kém.

**CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NPK THEO PHƯƠNG PHÁP TRỘN**

Căn cứ vào thành phần dinh dưỡng (N, P, K) có trong các hạt nguyên liệu đưa vào trộn (Urea, DAP, KCl, các hạt bán sản phẩm) và nhu cầu tỷ lệ chất dinh dưỡng của sản phẩm, tính toán tỷ lệ trọng lượng của mỗi loại nguyên liệu đưa vào trộn.

Ví dụ: Khi trộn để sản xuất ra sản phẩm NPK 25- 25- 5 từ các loại nguyên liệu:

-DAP (18%N, 46%P ₂ O ₅)	54,15% TL
-Urea (46%N)	32,97% TL
-KCl (60% K ₂ O)	8,33% TL
-Bán sản phẩm (2%N, 2%P ₂ O ₅)	4,55% TL



Các loại nguyên liệu đưa vào trộn được cho vào từng phễu chứa riêng biệt, dưới đáy các phễu chứa có đặt các van định lượng kiểu van xoay. Căn cứ tỷ lệ từng loại nguyên liệu cần pha trộn đã tính toán, điều chỉnh tốc độ van xoay đưa liệu xuống máy trộn sản phẩm sao cho tương ứng với tỷ lệ phối liệu ấn định. Điều chỉnh tốc độ van xoay bằng tốc độ của động cơ biến tần. Trong máy trộn sản phẩm được trộn đều sau đó nhờ băng tải đưa lên bồn chứa sản phẩm.

Dưới đáy bồn chứa sản phẩm có đặt các máy đóng bao tự động điều chỉnh trọng lượng, sản phẩm được đóng bao nhờ băng tải chuyển bao đưa đến máy khâu bao, sau đó cho vào kho chứa.

Một số sản phẩm NPK cao cấp của Công ty



Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

**5.1.2. NPK hữu cơ**

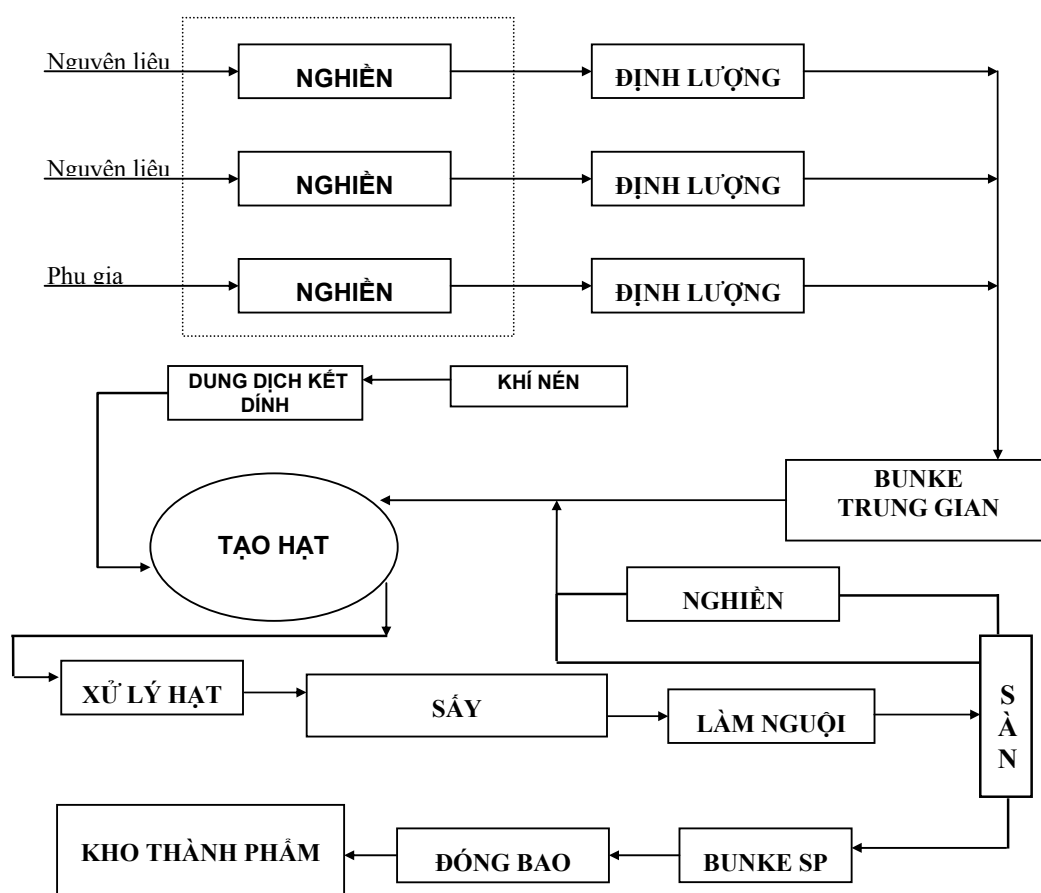
Tổng Năng suất : 60.000T/n. Bao gồm: 2 dây chuyền tạo hạt NPK hữu cơ kiểu đĩa quay công suất 30.000T/n.

Quy trình sản xuất NPK hữu cơ như sau:

Than bùn mịn, bã cà phê, mụn dừa hoạt hóa, ủ, sau đó phối hợp với các chất khoáng, chất giữ ẩm theo tỉ lệ xác định.

Liệu xả ra từ bunke chứa được băng tải chuyển liệu đưa vào máy tạo hạt kiểu đĩa để tạo hạt. Nhờ hệ thống phun dung dịch kết dính. Quá trình đảo trộn đồng đều nguyên liệu và tại hạt diễn ra trên máy tạo hạt kiểu đĩa.

Sản phẩm từ máy tạo hạt kiểu đĩa được đưa vào máy xử lý hạt và bề mặt nhờ băng tải chuyển liệu, sau đó vào máy sấy sản phẩm để giảm độ ẩm xuống còn khoảng dưới 4%. Sản phẩm từ máy sấy nhờ băng tải đưa lên máy làm nguội để hạ nhiệt độ sản phẩm sau khi sấy. Sản phẩm từ máy làm nguội được băng tải đưa lên sàng phân loại 2 cấp kiểu sàng quay lưới để phân loại hạt sản phẩm. Các hạt có kích thước lớn hơn 4mm và nhỏ hơn 2mm sẽ được băng tải thu gom đưa qua máy nghiền liệu sau đó vào băng tải hồi lưu về bunke trung gian để đưa đi tạo hạt lại, các hạt đạt tiêu chuẩn có kích thước từ 2 đến 4mm sẽ được đưa tới bunke chứa sản phẩm bằng băng tải. Phía dưới Bunke có bố trí hệ thống cân tự động, máy may bao và băng tải chuyển bao sản phẩm.

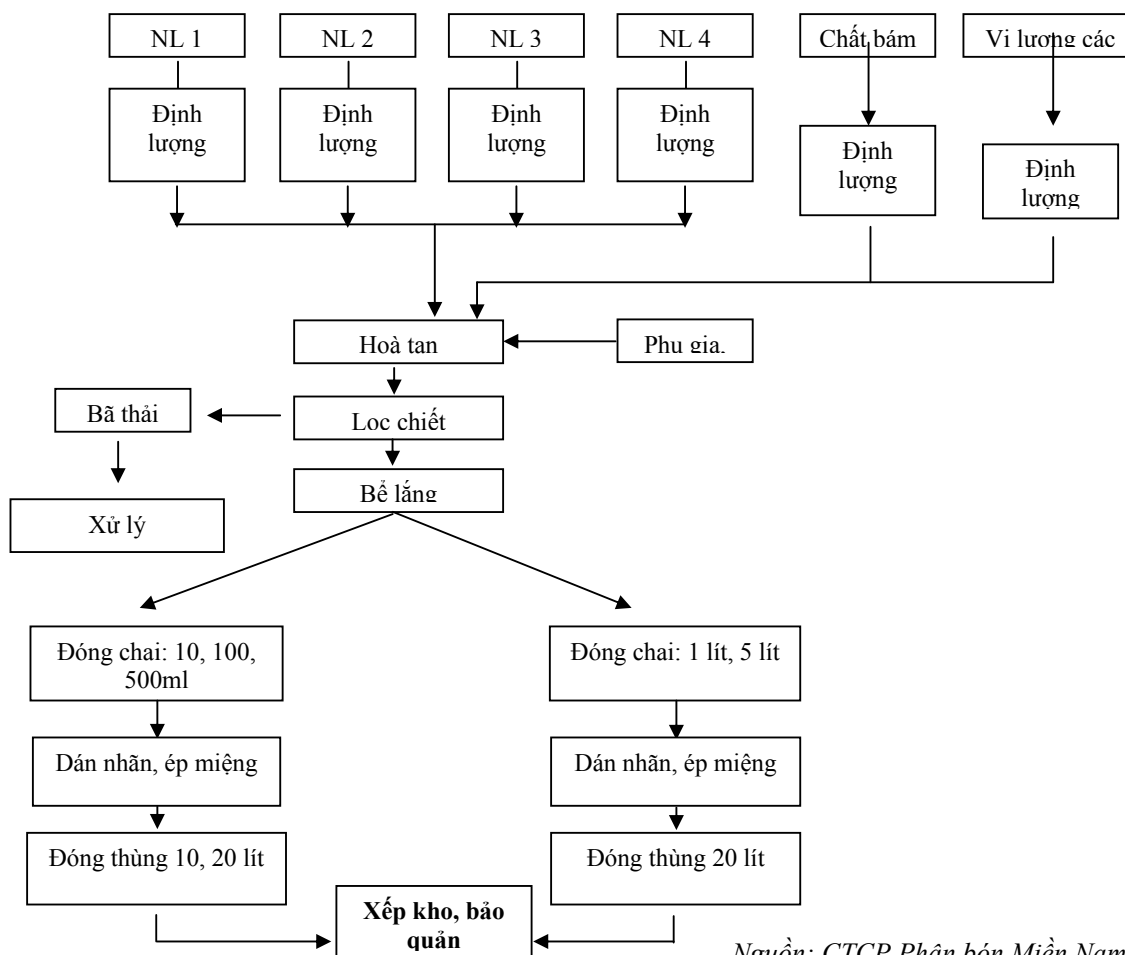
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NPK HỮU CƠ

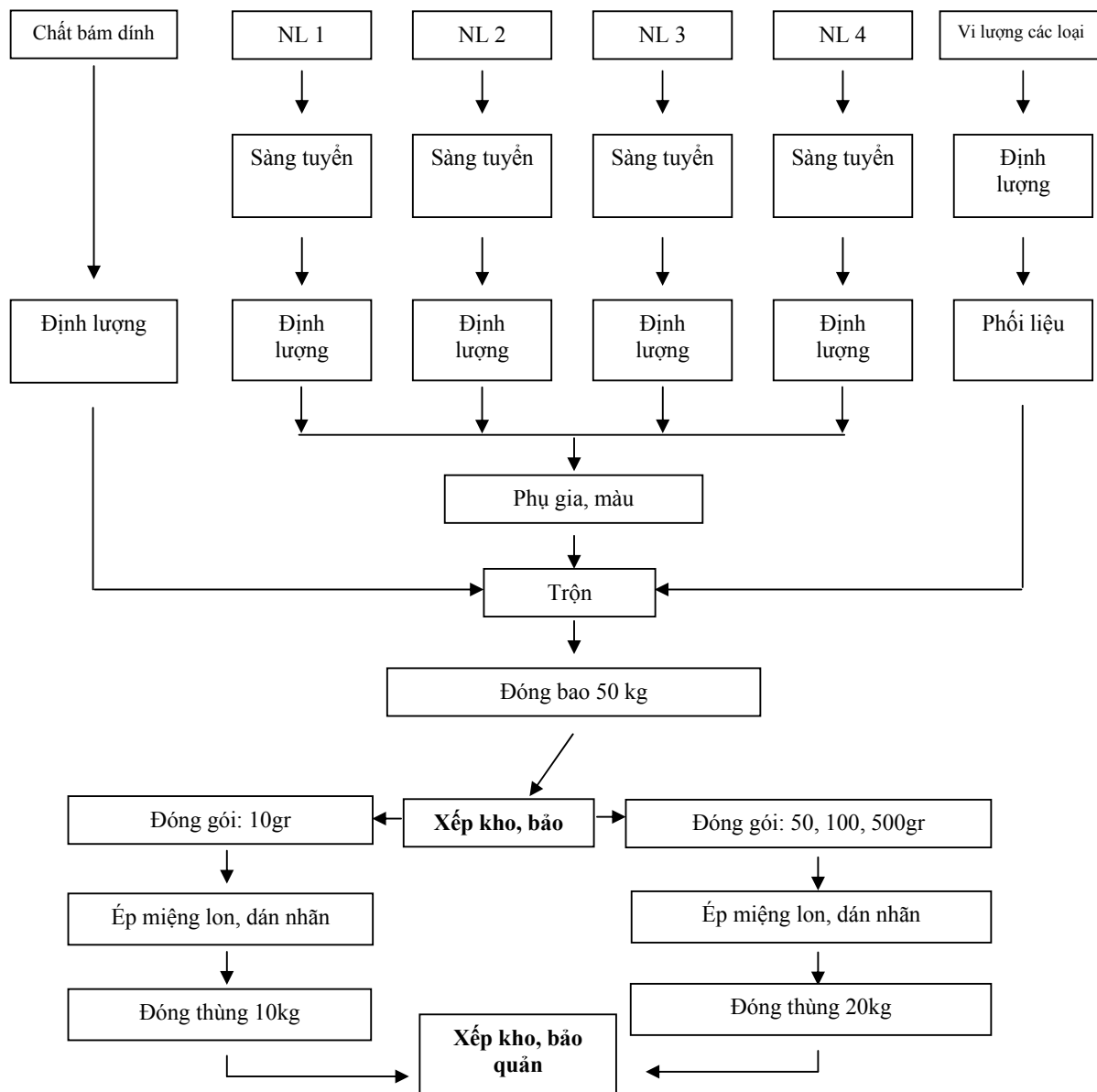
Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

**Một số sản phẩm NPK hữu cơ của Công ty***Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam***5.1.3. Phân bón lá Yogen**

Tổng Năng suất : 200T/n Phân bón lá dạng bột và 100.000Lít/n Phân bón lá dạng nước. Bao gồm:

- o 01 dây chuyền phân bón lá dạng bột công suất 200T/n
- o 01 dây chuyền phân bón lá dạng nước công suất 100.000Lít/n

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN BÓN LÁ YOGEN (DẠNG LỎNG)*Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam*

**SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN BÓN LÁ YOGEN (DẠNG BỘT)**

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Một số sản phẩm phân bón lá Yogen của Công ty





Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

5.1.4. Phân lân

Tổng Năng suất : 200.000T/n. Bao gồm:

- o 01 dây chuyền sản xuất Supe Lân công nghệ phân hủy Apatit bằng H_2SO_4 trong thùng trộn và hóa thành công suất 200.000T/n

Ngoài chất dinh dưỡng chính là lân (P_2O_5) còn có các chất dinh dưỡng khác rất cần thiết cho cây trồng và cải tạo đất như Canxi, Magie, Lưu huỳnh, Silic và đều rất quan trọng đối với cây trồng.

Tác dụng của các chất dinh dưỡng có trong phân lân.

- P_2O_5 : Là các chất chủ yếu tạo nên tế bào cây cối, thúc đẩy sự nảy mầm, phát triển bộ rễ, tăng số lượng, chất lượng của củ, quả, hạt, v.v.
- Can xi (CaO): Có tác dụng khử chua, ếm phèn làm tăng độ phì của đất, giúp cây trồng tổng hợp protein và chuyển hoá các chất dinh dưỡng.
- Magiê (MgO): Có tác dụng khử chua và cải tạo đất như vôi, hơn nữa nó là chất thiết yếu tạo nên diệp lục tố của cây, giúp cây trồng tổng hợp protein chất đường và chất béo.
- Silic (SiO_2): Giúp cây trồng tăng khả năng oxy hoá làm cứng cây, làm tăng khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu hạn, rét và chống đổ.
- Phân lân Supe có tính Axít, không độc hại, thành phần P_2O_5 hữu hiệu tan trong nước và tan trong dung dịch chua của rễ cây, nên khi bón xuống ruộng không bị rửa trôi, cung cấp chất sinh dưỡng cho cây trồng từ đầu vụ đến cuối vụ. Nếu cây sử dụng không hết thì phân lân Supe vẫn giữ lại trong đất sử dụng cho vụ sau. Phân lân Supe sử dụng tốt cho hầu hết các loại cây trồng của Việt Nam như lúa, ngô, khoai, sắn, đậu lạc, các loại rau, các loại cây công nghiệp như cao su, cây bông, cà phê, hồ tiêu, mía, dừa, chè, dâu tằm, v.v và các loại cây ăn quả, cây cảnh v.v. Phân lân Supe thích hợp cho nhiều vùng đất, và mang lại hiệu quả cao so với các loại phân khác. Bón phân lân Supe có tác dụng cải tạo



đất làm cho đất tơi xốp, không làm đất chai cứng như các loại phân bón hoá học khác. Cây trồng được bón phân lân Supe không những mang lại năng suất cao, chất lượng nông sản tốt mà còn làm tăng khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu hạn, chịu rét và chống đổ.

Chất lượng phân lân Supe hiện đang sản xuất như sau:

P_2O_5 hữu hiệu $\geq 16\%$; P_2O_5 tự do $\leq 4\%$; Độ ẩm $\leq 11\%$

➤ Quy trình công nghệ sản xuất phân lân Supe

i. Sấy nghiền sơ bộ

- Quặng từ kho chứa được cầu trục múc lên boongke để loại quặng có kích thước $>200 \times 200$ mm. Quặng qua sàng, xuống băng tải xích dẫn xuống băng tải cao su 105A/B, tại đây có nam châm điện loại sắt sau đó theo ống dẫn quặng đổ vào đầu thùng sấy, để loại trừ sắt thép có lẫn trong quặng lọt vào thùng sấy.
- Quặng ra khỏi máy sấy có độ ẩm từ 1,5 -2,5% được đưa xuống máy nghiền búa để đập nhỏ xuống kích thước 15-30 mm. Sau khi ra khỏi máy nghiền búa, quặng được băng chuyển vận chuyển lên boongke chứa.
- Nhiệt độ khí nóng vào thùng sấy được quy định từ $650 \div 800^\circ\text{C}$, lò sấy làm việc với áp suất âm từ 2-5 mmH₂O nhờ quạt hút đặt ở cuối hệ thống.
- Bụi apatit đi theo khói lò ra khỏi thùng sấy được giữ lại ở các nhóm cyclone lắng bụi và sau đó được làm sạch bằng bộ phận lắng bụi màng nước và được thải ra ngoài trời.

ii. Nghiền mịn

- Quặng sau sấy và nghiền sơ bộ được nghiền bằng máy nghiền bi, quặng apatit từ boongke đưa xuống máy nghiền bi nhờ van điều chỉnh. Trong máy nghiền bi, quặng va đập với bi thép và các tấm lót bên trong máy nghiền bi.
- Khí lẫn bột sau khi đi qua cyclone lớn sẽ lắng phần lớn bột mịn tại đó, tiếp tục đi qua cyclone chùm 4 để lắng tiếp bột mịn còn lại.
- Khí sạch đi qua khỏi bộ phận lọc bụi bằng nước sẽ được thải ra ngoài trời. Bột apatit từ cyclone lớn và cyclone chùm 4 sẽ rơi xuống vít tải và được vận chuyển lên boongke chứa bột dùng để điều chế supe phốt phát.

iii. Điều chế supe phốt phát:

- Axit sunfuric có nồng độ từ 75-76 % được bơm từ kho chứa axit qua phân xưởng Super chứa ở thùng chứa. Từ thùng chứa axit được bơm lên thùng cao vị, ở đây có bố trí đường ống chảy tràn để duy trì mức axit không đổi trong thùng cao vị. Axit từ thùng cao vị được tháo xuống van 5 ngà để pha loãng axit với nước.
- Nước được bơm từ thùng chứa nước lên thùng chứa cao vị và cũng được tháo xuống van 5 ngà để pha loãng axit.
- Axit sau khi pha loãng xong sẽ có nồng độ khoảng 65-69% và nhiệt độ khoảng $60 \div 72^\circ\text{C}$ sau đó đi qua thùng định lượng axit để vào thùng trộn phản ứng.
- Bột apatit từ nghiền bi qua vít tải, gầu tải lên boongke chứa lớn 150m³, được phân phối sao tháo xuống gầu tải đưa lên bunke chứa bột trung gian 15m³, từ boongke trung gian bột được định lượng xuống thùng trộn nhờ phân phối sao và vít tải.

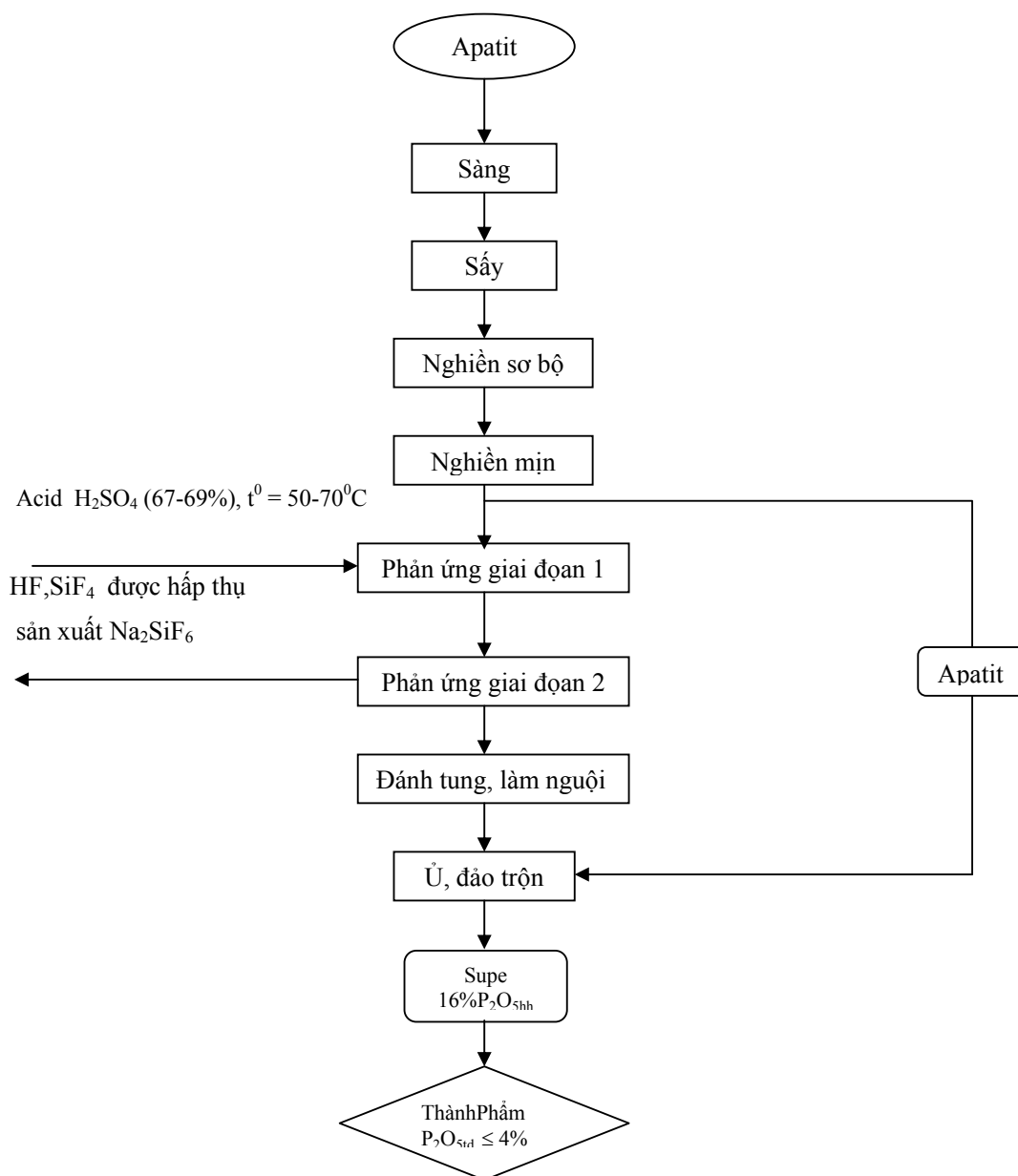


- Trộn axit với bột apatit được thực hiện trong thùng trộn nhờ các cánh khuấy. Bột sệt từ thùng trộn được lưu lại trong khoảng thời gian từ 2 ÷ 4 phút sau đó được tháo xuống phòng hóa thành qua tấm chắn theo kiểu chảy tràn. Bột sệt sẽ ủ thành supe trong phòng hóa thành khoảng khoảng 1h30'. Do phòng hóa thành quay ngược chiều với dao cắt nên supe trong phòng hóa thành sẽ được cắt nhỏ ra và được gạt vào lỗ trung tâm để rơi xuống băng tải.
- Việc làm nguội đột ngột và supe tươi được băng tải đưa vào kho ủ.

iv. Ủ đảo trộn supe trong kho và trung hòa

- Supe và apatit do băng tải đưa ra kho được cầu trục mức thành từng đồng ủ ở kho. Thời gian cần thiết ủ trong kho là từ 14 ÷ 21 ngày. Trong thời gian ủ sẽ kết hợp với đảo trộn và trung hòa, số lần đảo trộn tối thiểu là 3 lần, supe sau khi đảo trộn và ủ trong kho vẫn còn dư một lượng P_2O_5 tự do xuống thấp dưới 4% để đạt tiêu chuẩn xuất kho.

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN LÂN SUPE





Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

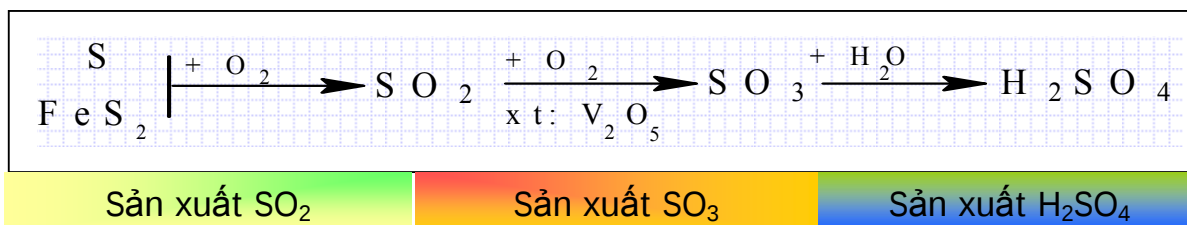
5.1.5. Axit sulphuric H₂SO₄

Tổng Năng suất : 80.000T/n. Bao gồm:

- o 01 dây chuyền Axit sulphuric H₂SO₄ công nghệ tiếp xúc đơn công suất 40.000T/n
- o 01 dây chuyền Axit sulphuric H₂SO₄ công nghệ tiếp xúc hấp thụ kép công suất 40.000T/

Công nghệ sản xuất Axit sulphuric bao gồm 3 công đoạn chính:

SƠ ĐỒ CÔNG ĐOẠN SẢN XUẤT AXIT SULPHURIC



Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Lượng S nhập vào cảng và chuyển lên xe ô tô ben chuyển vào nhà kho chứa, sức chứa dự trữ của nhà kho là 5 tháng. ô tô có gầu xúc S và chuyển đến đổ vào Bunke của bể nấu chảy Lưu huỳnh. Lưu huỳnh trước khi đưa vào lò đốt được nấu chảy lỏng và lọc sạch tạp chất.

Không khí vào tháp sấy khô rồi đẩy qua bình hâm nóng không khí nung không khí từ 430C lên 2000C vào lò đốt Lưu huỳnh tạo khí SO₂ và từ đó qua nồi hơi, lọc khí nóng, sau đó đi vào tháp chuyển hóa, bộ tận dụng nhiệt, tháp hấp thụ và cuối cùng đẩy khí thải ra ngoài trời.

Không khí khô nhiệt độ 2000C được đẩy vào đỉnh lò đốt cùng với Lưu huỳnh lỏng tinh khiết qua vòi phun cùng chiều xuống lớp gạch chịu lửa xếp theo hình bàn cờ (làm tăng bề mặt tiếp xúc giữa S lỏng với không khí khô nóng).

S được oxy của không khí oxy hóa thành SO₂

Ra khỏi lò đốt khí có nồng độ 8,5-9% SO₂ và nhiệt độ 850-1.000C đi vào nồi hơi, truyền 1 phần nhiệt lượng cho nước bốc thành hơi nước bão hòa. Ra khỏi nồi hơi khí nguội xuống còn 420– 440C.

Sau khi đi qua nồi hơi, khí SO₂ còn mang theo 1 ít bụi cát hoặc S thăng hoa. Những chất này làm giảm tuổi thọ chất xúc tác V₂O₅ nên ta phải lọc sạch nó ở thiết bị lọc khí nóng. Sau đó SO₂ đi vào tháp tiếp xúc, tại đây quá trình chuyển hóa SO₂ thành SO₃ (đây là một quá trình quan trọng)

Có 2 phương pháp tiếp xúc là: tiếp xúc đơn và tiếp xúc kép.

- Chúng ta có thể so sánh hai phương pháp này qua quy trình công nghệ.
 - o Đối với phương pháp tiếp xúc đơn: hỗn hợp khí SO₂ qua gia nhiệt được oxy hoá lần lượt qua 4-5 lớp tiếp xúc. Giữa lớp 1-2 dùng thiết bị truyền nhiệt gián tiếp để hạ nhiệt độ hỗn hợp khí, giữa lớp 1-2, 3-4 bổ sung không khí để làm lạnh trực tiếp, cuối cùng hiệu suất chuyển hoá đạt 98,2 %. Sau đó hỗn hợp khí đưa đi hấp thụ chế tạo axit (mức độ chuyển hoá có thể lên tới 99,9 %) .
 - o Đối với phương pháp tiếp xúc kép: chuyển khí sản phẩm từ sau lớp tiếp xúc 3 (hiệu suất 90%) đưa đi hấp thụ chế tạo axit sau đó gia nhiệt phản ứng ở 2 lớp sau nâng hiệu suất chuyển hoá lũy tiến lên 99,5 %, đưa đi hấp thụ lần 2 sau đó phóng không. Trong phương pháp này nồng độ SO₂ trong khí thải giảm từ 0,21 % (phương pháp tiếp xúc đơn) xuống còn 0,05% (phương pháp tiếp xúc kép)



Khí SO₃ sau khi làm nguội sơ bộ ở thiết bị truyền nhiệt ngoài được đưa sang công đoạn hấp thụ. ở đây khí SO₃ tiếp tục được làm nguội tạo điều kiện tốt cho quá trình hấp thụ. Đầu tiên SO₃ được hấp thụ trong tháp oleum sau đó sang tháp monohydrat, cuối cùng qua tháp tách giọt rồi phóng không hoặc đưa đi thu hồi SO₂.

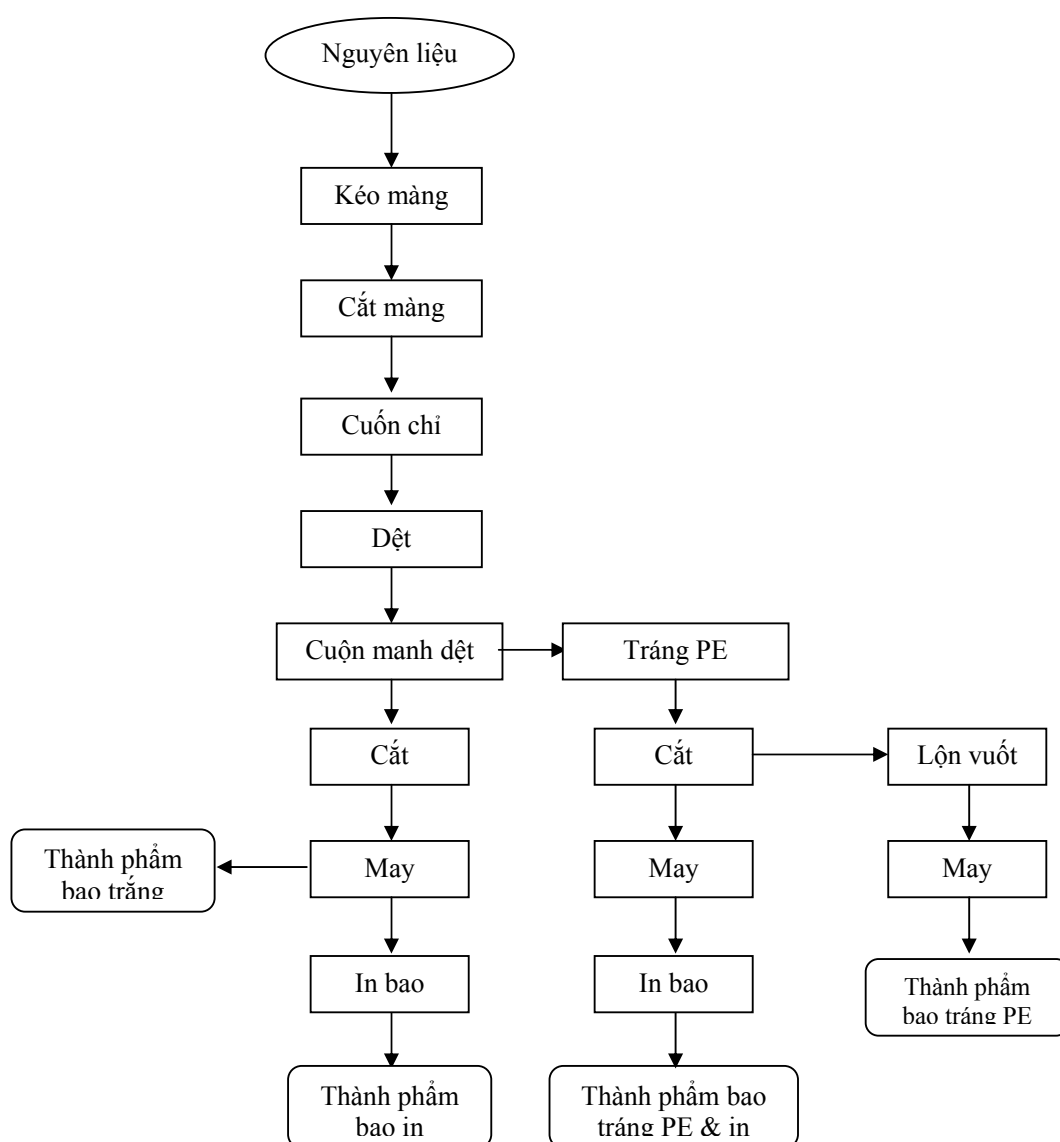
SO₃ được hấp thụ bằng H₂SO₄ trong tháp hấp thụ. Ban đầu SO₃ hòa tan trong H₂SO₄, sau đó phản ứng với nước tạo thành H₂SO₄.

Sau đó H₂SO₄ sẽ hấp thụ SO₃ thành dung dịch H₂SO₄

5.1.6. Bao bì

Công suất hệ thống: 9.000.000 cái/năm

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BAO BÌ PP VÀ PP TRẮNG PE





Một số sản phẩm bao bì của Công ty



Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Bảng 5: Danh sách chi tiết sản phẩm

Phân bón NPK	NPK 20.10.15	NPK 16.16.8.13S
NPK 30.20.5	NPK 20.10.15 BH	NPK 16.16.8.13S XK
NPK 28.28.0	NPK 20.10.15 sulfat	NPK 16.16.8.4S
NPK 25.25.5	NPK 20.10.15 TLĐB	NPK 16.13.13 TE
NPK 25.25.5 BH	NPK 20.10.5	NPK 16.10.6+TL
NPK 25.25.0	NPK 20.10.5.15S	NPK 16.8.16.13+TL
NPK 23.23.0	NPK 20.10.0	NPK 16.8.16.13+VL
NPK 23.23.0 BV	NPK 20.10.0 USB	NPK 16.8.16.13s (HP)
NPK 23.23.0 BH	NPK 20.5.5.15s	NPK 16.8.16.4s (trộn)
NPK 20.20.15	NPK 20.0.15	NPK 16.8.13+TL
NPK 20.20.15 Cao cấp	NPK 20.0.10	NPK 16.8.8.13S
NPK 20.20.15 (XK)	NPK 17.17.8	NPK 16.8.12.5s
NPK 20.20.15 (XKĐB)	NPK 17.10.17.3s	NPK 16.8.8
NPK 20.20.15+TL	NPK 17.7.17	NPK 16.8.8 (Trộn)
NPK 20.20.15+TE	NPK 17.7.17.3+TL	NPK 16.6.16.S
NPK 20.20.15 BV	NPK 17.7.17+TL	NPK 15.15.20
NPK 20.20.15 BH	NPK 17.7.15+TE	NPK 15.15.15+TL
NPK 20.20.10.5	NPK 17.5.6.13S	NPK 15.15.15+TVL
NPK 20.20.0	NPK 16.16.8	NPK 15.15.15
NPK 20.15.20	NPK 16.16.8 TE	NPK 15.10.15
NPK 20.15.15.7	NPK 16.16.8 XK	NPK 15.10.15.4s
NPK 20.15.7	NPK 16.16.8.13+TL	NPK 15.10.5.10s



NPK 15.9.13 TE	Bông lúa 02 M (17.12.7)	Yogen 6-30-30
NPK 15.5.20+2VL (1 hạt)	Bông lúa 03 M (18.0.16)	Yogen 10- 50 - 10
NPK 15.5.5.5s	Bông lúa 01 M (NEW)	Yogen 21-21-21
NPK 14.7.14 + TL	Bông lúa 02 M (NEW)	Yogen siêu to hạt
NPK 14.7.14 + TE	Bông lúa 03 M (NEW)	Yogen nước
NPK 14.8.6	Bông lúa 997 (22.14.4)	
NPK 14.8.6.4S	Bông lúa 998 (18.12.7)	Phân Lân
NPK 13.13.13+TL	Bông lúa 999 (20.0.18)	Supe Lân 16,5%
NPK 12.6.9	Phân AT 1 (18.18.4)	Supe Lân M
NPK 11.11.22	Phân AT 2 (8.14.12)	Supe Lân PA
NPK 10.20.15	Phân AT 3 (18.0.18)	Supe Lân TL
NPK 10.10.5	Chuyên dùng DH TE (17.8.14)	Supe Lân 16% hạt
NPK 10.10.5 (T)	Chuyên dùng CM TE (18.12.14)	Lân hữu cơ
NPK 10.10.0	Cửu Long 01 (18.13.8 TE)	Lân hữu cơ hạt
NPK 9.6.3	Cửu Long 02 (17.4.23 TE)	Lân chậm tan
NPK 8.8.4+TE	Cửu Long L1 (15.11.5+TE)	
NPK 5.10.10.5	Cửu Long L2 (13.3.15+TE)	Axit Sulphuric H2SO4
NPK 5.10.3	Phân bón mía M0 (15.10.5.5)	Bao bì
KCl 30	M1 (9.9.18)	Bao tráng
KCl 30% (Hạt, bột)	M212 (14.7.14)	Bao tráng PE
Phân K30 miềng	Phân bón cà phê CFS-VL (17.7.17.3)	Bao xốp
Phân KCL vò viên	CF MK (15.5.5.5)	
Phân ĐVL 50kg NEW	CFMK+VL(20.5.5.13S)	
Lân vò viên	Phân bón lúa R1 (22.16.5)	
Lân hạt, bột	R2 (23.10.5)	
Lân hoạt tính	R3 (23.5.20)	
Lân vi lượng	Phân bón lúa R1+VL (20.10.5)	
ANLCOMIX 005, 007,009	R2+VL (17.10.5)	
ANLCOMIX 003	R3+VL (20.5.10)	
Phân khoáng hữu cơ 2.3.3	R2 (18.12.6)	
Khoáng Hữu cơ	R3 (16.6.16)	
Khoáng viên	Phân bón khoai mì (15.5.15.3)	
Hữu cơ 4.2.2.15	Phân bón cao su KTCB (12.12.4)	
NPK 997 (18.18.6)	KD (15.10.15)	
NPK 998 (20.10.6)	Phân bón cao su 17.7.17 (tráng màng)	
NPK 999 (22.0.20)	Phân bón rau, quả, củ (14.7.14)	
NPK lúa L1 (15.10.5)	Phân bón đậu phộng (6.6.12)	
NPK lúa L2 (17.10.5)	Phân bón thanh long 1.4 (17.17.17)	
NPK lúa L3 (15.0.12)	Phân bón thanh long 5.8 (18.10.18)	
CD cho lúa - L1 (20.15.7) HP		
CD cho lúa - L2 (16.8.12) HP	Phân bón lá Yogen	
CD cho lúa - L3 (20.0.20) HP	Yogen 32-11-11	
CD.Lúa L1 mới (20.10.5+TE) HP	Yogen No.2	
CD.Lúa L2 mới (16.8.12+TE) HP	Yogen No.4	
CD.Lúa L3 mới (20.5.10+TE) HP	Yogen 11 -0 -40	
Bông lúa 01 M (16.13.6)	Yogen Siêu KaLy TE+16	

**5.2 Sản lượng sản phẩm, tỷ lệ trong doanh thu và lợi nhuận từ năm 2012 đến hết 30/09/2014****Bảng 6: Sản lượng sản phẩm tiêu thụ**

STT	Sản phẩm	Đơn vị	2012	2013	9 tháng đầu 2014
1	Phân NPK	Tấn	273.545	255.615	168.833
2	Phân lân	Tấn	158.945	150.868	112.663
3	Axit Sunfuaric	Tấn	26.400	25.210	18.844
4	Bao bì	1000cái	17.208	15.950	9.326
5	Phân bón lá, phân nước	Tấn	189	193	158

*Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam***Bảng 7: Cơ cấu sản phẩm theo doanh thu***(đơn vị: triệu đồng)*

STT	Sản phẩm	2012		2013		9 tháng đầu 2014	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Phân NPK	2.234.521	78,62%	2.120.990	80,00%	1.421.198	79,80
2	Phân lân	417.290	14,68%	355.861	13,42%	264.158	14,83
3	Axit Sunfuaric	82.888	2,92%	75.790	2,86%	50.274	2,82
4	Bao bì	49.731	1,75%	41.778	1,58%	23.523	1,32
5	Phân bón lá , phân nước	57.578	2,03%	56.969	2,15%	21.795	1,22
Tổng		2.842.008	100,00%	2.651.388	100,00%	1.780.948	100,00%

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Doanh thu sản phẩm phân NPK trên tổng doanh thu của công ty chiếm tỷ lệ cao nhất, chiếm tỷ trọng 80% trong năm 2013 và 79,80% trong 9 tháng đầu năm 2014, tiếp theo là doanh thu sản phẩm phân lân chiếm 13,42% trong năm 2013 và 14,83% trong 9 tháng đầu năm 2014, 3 sản phẩm còn lại (Axit Sunfuaric, Bao bì, Phân bón lá, phân nước) chỉ chiếm khoảng 5,37% trong cơ cấu doanh thu của công ty trong 9 tháng đầu năm 2014.

Cơ cấu doanh thu sản phẩm của công ty ổn định qua các năm.

**Bảng 8: Cơ cấu sản phẩm theo lợi nhuận gộp**

(đơn vị: triệu đồng)

STT	Sản phẩm	2012		2013		9 tháng đầu 2014	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Phân NPK	197.224	66.76%	221.878	75.08%	168,781	74.85%
2	Phân lân	64.643	21.88%	45.093	15.26%	40,437	17.93%
3	Axit Sunfuaríc	23.950	8.11%	26.449	8.95%	17,538	7.78%
4	Bao bì	3.859	1.31%	2.115	0.72%	790	0.35%
5	Phân bón lá , phân nước	5.753	1.95%	0	0.00%	-2,050	-0.91%
Tổng		295.429	100,0%	295.535	100,0%	225.496	100,0%

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Lợi nhuận gộp sản phẩm phân NPK chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm tỷ trọng 75,08% trong năm 2013 và 74,85% trong 9 tháng đầu 2014 trên tổng lợi nhuận gộp của công ty, tiếp theo là lợi nhuận gộp sản phẩm phân lân chiếm 15,26 % trong năm 2013 và 17,93% trong 9 tháng đầu 2014. Sản phẩm Axit Sunfuaríc chiếm tỷ trọng 8,95% trong năm 2013, tuy nhiên 9 tháng đầu năm 2014 tỷ trọng giảm nhẹ xuống còn 7,78%. 02 sản phẩm còn lại (Bao bì, Phân bón lá, phân nước) chỉ chiếm rất nhỏ trong cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty.

Lợi nhuận gộp của sản phẩm phân NPK và sản phẩm phân lân ổn định qua các năm.

5.3 Nguyên vật liệu

❖ Nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp

Bảng 9: Nhà cung cấp nguyên vật liệu chính

STT	Nhà cung cấp	Sản phẩm
1	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Quặng Apatit
2	Công ty TNHH MTV DAP – VINACHEM	Phân DAP 16-45
3	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Phân Urea
4	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Phân Urea
5	Công ty BPC	Phân Kali

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam



Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm Công ty bao gồm các loại quặng như: Quặng Apatit, Phân DAP 16-45, Phân Urea, Phân Kali. Các yếu tố đầu vào cho sản xuất phân bón, Công ty đều có thể mua từ các nhà cung cấp trong nước.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới doanh thu, lợi nhuận những năm qua

Ảnh hưởng giá cả nguyên liệu nhìn chung không có biến động quá lớn do nguồn nguyên liệu đầu vào hiện nay trong nước đã sản xuất được và đã thay thế được nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Do đặc thù ngành phân bón là nhằm phục vụ việc sản xuất nông nghiệp nên quặng Apatit được nhà nước bảo hộ hạn chế xuất khẩu khiến giá không biến động lớn do thiếu nguồn cung.

Trong năm 2013, các chi phí nguyên vật liệu chính giảm so với 2012 do giá cả và chi phí vận chuyển không có biến động lớn. Trong quý 1-2014, Công ty đã tiến hành mua nguyên vật liệu chuẩn bị cho sản xuất kinh doanh trong năm.

Tuy vậy, biến động giá nguyên liệu là những ảnh hưởng mang tính hệ thống và xảy ra với toàn ngành; biến động của giá nguyên liệu trong những năm qua đã không làm ảnh hưởng lớn tới sản lượng tiêu thụ cũng như lợi nhuận của Công ty, doanh thu và lợi nhuận năm 2012 và 2013 của Công ty đều tăng trưởng. Với mục tiêu giảm thiểu tối đa những tác động bất thường của giá cả tới tình hình sản xuất, trong những năm vừa qua Công ty đã cố gắng bám sát tình hình thị trường và chuẩn bị trước lượng nguyên liệu cần thiết cho kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Bảng 10: Tình hình biến động giá nguyên liệu

(đơn vị: đồng/tấn)

STT	Tên nguyên vật liệu chính	Năm 2012	Năm 2013	Tăng/giảm so với năm 2012	9 tháng đầu 2014
1	Apatit	835.000	835.000	0%	835.000
2	DAP 16-45	10.573.000	8.474.286	(19,85)%	8.830.000
3	Urea Cà Mau	8.523.000	7.333.000	(13,96)%	7.400.190
4	Urea Ninh Bình	8.761.000	7.048.000	(19,55)%	7.140.000
5	Kali	10.510.000	8.029.000	(23,61)%	7.800.571

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Giá nguyên vật liệu hầu hết luôn biến động qua từng thời kỳ. Giá nguyên vật liệu trong năm 2013 giảm mạnh so với năm 2012, trong đó giảm mạnh nhất là Kali giảm 23,61% so với năm 2012 tiếp theo là DAP 16-45 giảm 19,85% so với năm 2012. Riêng Apatit giá ổn định qua các thời kỳ.

Qua 9 tháng đầu năm 2014 ngoài Kali có giảm nhẹ còn lại các giá nguyên vật liệu khác tăng nhẹ so với cuối năm 2013.

5.4 Chi phí sản xuất

Bảng 11: Cơ cấu chi phí trên doanh thu



(đơn vị: triệu đồng)

STT	Chi phí	Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu 2014	
		Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
1	Giá vốn hàng bán	2.544.853	89,54%	2.343.321	88,38%	1.554.281	87,33%
2	Chi phí bán hàng	71.867	2,53%	83.223	3,14%	100.865	5,67%
3	Chi phí quản lý	29.055	1,02%	34.962	1,32%	16.274	0,91%
4	Chi phí tài chính	101.438	3,57%	67.703	2,55%	31.187	1,75%
Cộng chi phí		2.747.213	96,66%	2.529.209	95,39%	1.702.607	95,66%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

Nhìn chung cơ cấu chi phí của Công ty khá ổn định. Tổng chi phí/ doanh thu cũng khá ổn định qua các năm.

Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí, đạt mức 88,38% năm 2013 và mức 87,33% trong 9 tháng đầu năm 2014. So với các doanh nghiệp cùng ngành, tỷ trọng chi phí này ở mức trung bình so với một số đơn vị trong ngành phân bón là Phân lân Ninh Bình với mức khoảng 72% và Phân bón Bình Điền ở mức xấp xỉ 93%.

Chi phí bán hàng và chi phí tài chính là chiếm thứ hai trong cơ cấu chi phí. Chi phí bán hàng, chủ yếu là chi phí vận chuyển (chiếm 15% trong tổng chi phí bán hàng) và chi phí hội thảo, quảng cáo, công tác thị trường (35%). Trong năm 2013 chi phí bán hàng tăng thêm 12 tỷ so với năm 2012 do ảnh hưởng của chi phí vận chuyển, chi phí quảng cáo, chi phí hội thảo khách hàng và hội thảo trong năm 2013 tăng. Tỷ trọng chi phí bán hàng/ doanh thu tăng từ 3,14% trong năm 2013 lên 5,67% trong 9 tháng đầu năm 2014 do chủ yếu chi phí vận chuyển tăng. Tuy nhiên tỷ trọng chi phí tài chính/ doanh thu lại giảm do lãi suất tiền vay giảm.

Trong năm 2013, chi phí quản lý tăng từ 29 tỷ lên 35 tỷ so với năm 2012 là do một số tài sản cố định không đủ điều kiện theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính chuyển sang phân bổ 02 (hai) năm, tiền lương hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2013, chi phí công tác mở rộng thị trường.

5.5 Trình độ công nghệ

❖ Điểm mạnh

Thiết bị sản xuất phân bón NPK, phân lân, Acid Sulfuric hầu hết được thiết kế và chế tạo trong nước, ổn định cao nên giảm được chi phí trong thay thế và sửa chữa thiết bị. Đây là những dây chuyền công nghệ tiên tiến hiện đại hiện có ở Việt Nam. Các dây chuyền đều có các thiết bị xử lý môi trường tốt, thân thiện với môi trường.

❖ Điểm yếu

Chi phí đầu tư cho dây chuyền lớn. Thiết bị sản xuất trong môi trường dễ bị ăn mòn và mài mòn nên chi phí sửa chữa lớn.

❖ **Cơ hội:**

Công ty hiện đã có nhiều dây chuyền sản xuất NPK, Phân lân, Acid Sulfuric với công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Đủ khả năng cạnh tranh về năng suất, chất lượng so với các đối thủ cạnh tranh trong nước.

❖ **Khó khăn, thách thức:**

Hiện nay có nhiều công ty trong nước đang đầu tư thiết bị sản xuất phân bón với công nghệ tương tự công ty, nên thách thức trong cạnh tranh rất lớn. Chi phí đầu tư và sửa chữa các dây chuyền lớn. Một số hạng mục trong dây chuyền Acid phải nhập ở nước ngoài nên chi phí lớn.

❖ **Biện pháp khắc phục:**

Với những khó khăn và thách thức trên, công ty tích cực cải tiến tối ưu hóa dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao hơn về năng suất và chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, nghiên cứu thiết bị công nghệ nhằm làm giảm chi phí sửa chữa, đồng thời tìm kiếm các nhà chế tạo trong nước đủ khả năng đáp ứng cung cấp thiết bị để giảm chi phí nhập thiết bị nước ngoài.

❖ **Phương hướng nghiên cứu giải pháp khoa học công nghệ trong thời gian tới**

- Nghiên cứu thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất phân bón phức hợp mới có năng suất và chất lượng cao
- Nghiên cứu và tìm kiếm công nghệ chế tạo thiết bị làm giảm chi phí sửa chữa
- Nghiên cứu cải tiến thiết bị tiết kiệm năng lượng.

Bảng 12: Các thiết bị dây chuyền máy móc

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Năm sử dụng	Xuất xứ
I. SẢN XUẤT PHÂN BÓN NPK				
1	Dây chuyền tạo hạt hơi nước thùng quay	03	2007	Sản xuất trong nước
2	Dây chuyền trộn	05	2007	Sản xuất trong nước
II. SẢN XUẤT SUPE LÂN				
	Dây chuyền sản xuất supe Lân	01	1992 và mở rộng 2004	Sản xuất trong nước
III. SẢN XUẤT ACID SULFURIC				
	Dây chuyền sản xuất Acid Sulfuric	02	2005	Sản xuất trong nước

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

**Tóm tắt về các thiết bị:****❖ Thiết bị sản xuất NPK:**

- Dây chuyền tạo hạt hơi nước thùng quay

Đây là dây chuyền công nghệ tiên tiến hiện có ở Việt Nam.

Thiết bị được thiết kế và chế tạo trong nước, đạt độ ổn định cao, nên giảm được chi phí đầu tư so với thiết bị nhập ở nước ngoài với ưu điểm cấp liệu bằng cân định lượng bằng tải tự động đảm bảo tự động đảm bảo chính xác các thành phần trong sản phẩm, xử lý môi trường đảm bảo và tính thân thiện với môi trường. Sản phẩm tạo hạt bằng công nghệ hơi nước có ưu điểm là chất lượng hoàn toàn ổn định, không gây thất thoát nhiều đạm trong quá trình sấy, tăng độ cứng và cường lực của hạt NPK.

- Dây chuyền trộn

Thiết bị được thiết kế và chế tạo ở trong nước, đạt độ ổn định cao.

Vận hành đơn giản, năng suất lớn, dễ thay đổi sản phẩm, chi phí vận hành thấp, ít gây thất thoát nguyên liệu, dễ dàng chạy được những sản phẩm mà tạo hạt hơi nước thùng quay không thể sản xuất được.

❖ Thiết bị sản xuất phân lân

Thiết bị được thiết kế và chế tạo trong nước, đạt độ ổn định cao. Ở Việt Nam chỉ có công ty Supe phốt phát, Hóa chất Lâm Thao và Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam sản xuất supe lân đều trên công nghệ sản xuất Supe phốt phát đơn 16,5% P₂O₅.

❖ Thiết bị sản xuất Acid Sulfuric

Thiết bị hầu hết được thiết kế và chế tạo ở trong nước, đạt độ ổn định cao. Chỉ một số hạng mục trong dây chuyền Acid như: Bơm chìm Acid, Trao đổi nhiệt dạng tấm, Xúc tác V₂O₅ phải nhập khẩu nước ngoài.

5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong nhiều năm qua khá nhiều đề tài khoa học đã được Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập đoàn hóa chất Việt Nam,... đánh giá cao và được áp dụng vào thực tiễn sản xuất. Nhiều sản phẩm phân bón mới cho các loại cây trồng là kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học và đáp ứng được những gì thực tiễn sản xuất cần.

Hiện tại, Công ty tập trung hướng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng phân chuyên dùng và phân bón có bổ sung các chất trung, vi lượng.

- Nghiên cứu phân bón NPK cho cây ca cao, từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2012
- Nghiên cứu phân bón NPK cho cây thanh long, từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2012
- Nghiên cứu phân bón NPK cho cây dừa, từ tháng 3/2012 đến tháng 3/2013
- Nghiên cứu phân bón NPK cho cây tiêu, từ tháng 3/2012 đến tháng 3/2013
- Nghiên cứu phân bón NPK cho cây bưởi da xanh, từ tháng 3/2012 đến tháng 3/2013
- Nghiên cứu phân bón NPK cho cây lúa, từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2013
- Nghiên cứu phân bón NPK cho cây cà phê, từ tháng 3/2013 đến tháng 4/2014.



5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

❖ Các chứng nhận về chất lượng:

- Thương hiệu xanh bền vững
- Huy chương Vàng sản phẩm phân bón tại Hội Chợ Nông Nghiệp Quốc tế Cần Thơ
- Huy chương Vàng Bạn Nhà Nông
- Quả Cầu Vàng Chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn do Bộ Công Thương cấp
- Giải thưởng: Bông Lúa Vàng Việt Nam, Thương hiệu Vàng Chất Lượng
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt
- Cúp vàng Thương hiệu và Nhãn hiệu
- Cúp: Trâu vàng Đất Việt do nông dân bình chọn
- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000
- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008
- Giấy chứng nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao

Công ty có hệ thống phòng kiểm nghiệm phân tích đảm bảo khả năng phân tích các chỉ tiêu chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm và sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Bảng 13: Hệ thống phòng kiểm nghiệm phân tích

STT	Hạng mục	Cấp độ	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng phân tích tổng hợp	Công ty	1	KCS Công ty
2	Phòng phân tích NPK	Nhà máy	2	KCS Hiệp Phước, Cừ Long
3	Phòng phân tích Axít	Phân xưởng	1	Axit SPP Long Thành
4	Phòng phân tích Supe	Phân xưởng	1	Supe SPP Long Thành
5	Phòng phân tích tổng hợp	Nhà máy	1	KCS Long Thành

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Trong năm qua (2013) Hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm đã thực hiện phân tích kiểm tra tổng cộng 3.440 mẫu đại diện cho 427.253 tấn sản phẩm các loại. Chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 14: Số mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm năm 2013

STT	Loại sản phẩm	Số lượng (tấn, lít)	Số mẫu kiểm tra
1	NPK các loại	201.493,92	2.507
2	Super	171.784,3	318
3	Lân HC các loại	28.037	176
4	Axit sunfulric	25.210,3	207



STT	Loại sản phẩm	Số lượng (tấn, lít)	Số mẫu kiểm tra
5	Fluor Silicat Natri	557,5	13
6	Phân bón lá	170.100	219

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

5.8 Hoạt động marketing, tiêu thụ

Công ty thực hiện việc quảng bá sản phẩm tới bà con nông dân dưới nhiều hình thức như quảng cáo trên sóng truyền hình, truyền thanh, tại các hội nghị, hội thảo, hội chợ; đầu tư làm thực nghiệm đánh giá hiệu lực phân bón Miền Nam đối cây trồng; tập huấn kỹ thuật sử dụng phân bón cho nông dân; cung cấp sản phẩm phân bón tận tay tới người nông dân dùng thử; ứng vốn bằng phân bón cho các hộ nông dân tại một số vùng miền.

Các phương thức hoạt động:

- Lập biển quảng cáo sản phẩm Con Ó cho các khách hàng cấp 1, cấp 2
- Phối hợp với các đài truyền hình, truyền thanh tại địa phương để quảng bá thương hiệu Con Ó đến với nông dân các tỉnh thành trong cả nước
- Thực hiện các mô hình trình diễn các sản phẩm phân bón Con Ó trên đồng ruộng để nông dân đánh giá, so sánh và thấy được hiệu quả sử dụng phân bón PNK Con Ó so với sử dụng các sản phẩm truyền thống
- Mở các lớp hội thảo nông dân chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật và giới thiệu các sản phẩm mới đến nông dân
- Họp mặt khách hàng cấp 1, cấp 2 theo từng khu vực để phổ biến các chính sách bán hàng trong năm
- Quảng bá thương hiệu Con Ó của công ty trên trang web của Tập đoàn, và giới thiệu thương hiệu phân bón Con Ó với các đối tác nước ngoài trong các hội nghị lớn của Tập đoàn

5.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại: Phân bón Con Ó



Công ty Đăng ký nhãn hiệu thương mại: Phân bón Con Ó với Cục Sở hữu trí tuệ ngày 17/10/2008, và Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số: 147785 theo quyết định số: 11154/QĐ-SHTT, ngày: 15/06/2010, có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn.

5.10 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

**Bảng 15: Các hợp đồng lớn đã/đang được thực hiện**

Công ty đã ký các hợp đồng với các đại lý để phân phối sản phẩm của công ty như sau:

ST T	Tên khách hàng	Địa chỉ	Nội dung	Doanh thu tiêu thụ năm 2012 (tr.đ)	Doanh thu tiêu thụ năm 2013 (tr.đ)	Doanh thu tiêu thụ 9 tháng đầu 2014 (tr.đ)
1	DNTN Hùng Diệp	Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh	Phân phối Phân bón NPK Con Ó các loại	184.933	79.927	32.695
2	Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng	Dầu Tiếng, Bình Dương	Phân phối Phân bón NPK Con Ó các loại	55.072	30.546	-
3	Công ty TNHH MTV Ngọc Vy	Huyện Đăk' Lấp, Đăk Nông	Phân phối Phân bón NPK Con Ó các loại	20.384	47.250	29.601
4	Công Ty TNHH TM DV XNK Tường Nguyễn	Hồng Ngự, Đồng Tháp	Phân phối Phân bón NPK Con Ó các loại	73.039	43.525	35.334
5	Đại lý Vy Văn Thề	Huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Phân phối Phân bón NPK Con Ó các loại	47.006	34.102	19.293
6	Đại lý Huy Chính	TP. Buôn Ma Thuộc, Đăk Lăk	Phân phối Phân bón NPK Con Ó các loại	38.444	37.982	18.989
7	Công Ty TNHH TMDV & VT Phú Phát	Di Linh, Lâm Đồng	Phân phối Phân bón NPK Con Ó các loại	51.744	49.911	27.495

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất

**Bảng 16: Kết quả HĐKD**

(đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	+/- 2012/ 2013 (%)	9 tháng đầu 2014
1	Tổng tài sản	2.126.410	2.028.519	-4,6%	1.538.246
2	Vốn chủ sở hữu	542.372	585.318	7,9%	569.543
3	Doanh thu thuần	2.840.282	2.638.857	-7,1%	1.779.777
4	Lợi nhuận từ HĐKD	119.108	140.514	18,0%	95.875
5	Lợi nhuận khác	7.719	6.469	-16,2%	3.826
6	Lợi nhuận trước thuế	126.827	146.983	15,9%	99.701
7	Lợi nhuận sau thuế	100.653	115.398	14,6%	81.434
8	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế /VCSH	18,56%	19,72%	6,2%	14.30%
9	Lãi cơ bản/ CP (EPS) (đồng)	2.541	2.650	4,29%	1.870
10	Cổ tức/ Vốn điều lệ	20%	20%	0	N/A

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

Tổng tài sản của Công ty giảm 4,6% từ 2.126.410 triệu đồng năm 2012 xuống 2.028.519 triệu đồng cuối năm 2013 và xuống còn 1.538.246 triệu đồng vào 30/09/2014. Chủ yếu là do Công ty đã giảm một lượng lớn hàng tồn kho, nguyên nhân vì nguyên liệu có xu hướng giảm giá, vụ mùa hè thu cũng vừa kết thúc và máy móc thiết bị đã được cải thiện, đáp ứng nhu cầu mùa vụ của sản xuất nông nghiệp.

Doanh thu thuần năm 2013 giảm nhẹ khoảng 201 tỷ đồng, tương đương 7,1% so với năm 2012 do sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2013 giảm nhẹ so với năm 2012. Bên cạnh đó, trong năm 2013, mặc dù doanh thu thuần thấp hơn so với năm 2012 nhưng chi phí giá vốn hàng bán lại thấp hơn, cùng với chi phí lãi vay giảm do số dư nợ vay và lãi suất vay đã được giảm so với năm 2012. Từ đó, các chỉ tiêu lợi nhuận cũng tăng trưởng theo, cụ thể, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 21 tỷ đồng (tương đương 18%) và lợi nhuận sau thuế tăng 14,6% từ mức 100,7 tỷ năm 2012 lên 115,4 tỷ năm 2013.

Lợi nhuận khác năm 2013 giảm so với năm 2012 là 1,3 tỷ đồng, tương ứng 16,2% do năm 2012, Công ty tăng thu nhập thanh lý một số tài sản đã hết khấu hao, trong khi đó năm 2013 khoản thu nhập này là không đáng kể.

Năm 2013 mặc dù nền kinh tế của cả nước còn gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng rất nhiều đến công tác sản xuất - kinh doanh của ngành sản xuất Phân bón và Hóa chất của cả nước nói chung và của Công ty CP Phân Bón Miền Nam nói riêng. Để khắc phục khó khăn năm 2013, Công ty đã thực hiện tổ chức lại công tác sản xuất kinh doanh như sắp xếp lại nguồn nhân lực, kiện toàn lại bộ máy điều hành và các phòng Ban trong Công ty. Công ty đã đề ra các chiến lược kinh doanh với những sản phẩm mới với chất lượng dinh dưỡng cao, mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu thực tế của bà con nông dân từng vùng miền. Thực hiện tốt



công tác quảng bá thương hiệu, trình diễn kỹ thuật, tổ chức hội thảo và đưa sản phẩm gần gũi với bà con nông dân tại các vùng miền trong cả nước.

Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2014 đạt 1.779.777 triệu đồng, giảm 11,88% so với 9 tháng đầu năm 2013. Nguyên nhân do tình hình cạnh tranh khốc liệt trên thị trường phân bón đã ảnh hưởng sản lượng tiêu thụ của công ty trong 9 tháng đầu năm 2014 giảm, ngoài ra giá bán phân bón đầu ra cũng giảm nhẹ.

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2014 giảm 21% do doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2014, là do doanh thu giảm trong khi giá nguyên liệu và chi phí đầu vào biến động không đáng kể đã dẫn đến lợi nhuận gộp giảm và lợi nhuận sau thuế cũng giảm.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Nền kinh tế lâm vào khủng hoảng là nhân tố tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây, do ảnh hưởng nó mang lại trên phương diện giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào, nguồn cầu trong nước và khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong ngành. Xuất phát từ việc xu hướng trượt dốc của giá phân bón trên thế giới năm vừa qua, sản lượng phân bón nhập khẩu năm 2013 ước đạt 4,53 triệu tấn, tăng 14,3% về lượng nhưng giá trị giảm 2,4% so với năm 2012, ước đạt 1,65 tỉ đô la Mỹ. Bên cạnh đó, nguồn cung phân bón trên cả nước còn bao gồm cả lượng phân bón kém chất lượng hoặc nhập lậu khiến cho việc cạnh tranh trong lĩnh vực phân bón trở nên khó khăn hơn nữa. Hiện nay các doanh nghiệp trong nước dù đã có phần chủ động trong thị trường nhưng mới chỉ đáp ứng được 60% trong 10,3 triệu tấn sản phẩm. Vào cuối tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị Định 202/2013/NĐ-CP về quản lý phân bón nhằm giảm thiểu tối đa nguồn cung phân bón kém chất lượng trên thị trường. Nghị Định này đã chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 và đã có tác động làm giảm mức độ cạnh tranh và tăng thị phần cho sản phẩm của Công ty trong thời gian qua và sắp tới.

Nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm khiến nguồn cung trong nước trở nên dồi dào và nguồn nhập khẩu trong năm 2012 cũng giảm khoảng 11% so với năm 2011, và năm 2013 cũng giảm tiếp so với năm 2012. Bên cạnh đó, nguồn cung phân bón trên cả nước còn bao gồm cả lượng phân bón kém chất lượng hoặc nhập lậu; tuy nhiên trong thời gian tới Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn sẽ ban hành nghị định mới quy định điều kiện về sản xuất phân bón nhằm giảm thiểu tối đa nguồn cung phân bón kém chất lượng trên thị trường. Điều đó sẽ giảm mức độ cạnh tranh và tăng thị phần cho sản phẩm của Công ty trong thời gian tới. Nhìn chung, tình trạng dư thừa nguồn cung và rủi ro giảm giá phân bón vẫn tiếp tục trong năm 2014 khiến lợi nhuận toàn ngành giảm và cũng gây ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Phân bón Miền Nam là một trong những doanh nghiệp có bề dày truyền thống trong lĩnh vực sản xuất phân bón của nước ta và của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Với kinh nghiệm hoạt động lâu năm, vị thế của Công ty trên thị trường được củng cố và ngày càng khẳng định thương hiệu trên thị trường. Đến nay sản phẩm của Công ty đã có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường và được người tiêu dùng tín nhiệm cao.

Trong vài năm trở lại đây, ngành phân bón có thêm nhiều doanh nghiệp được thành lập làm tăng sự khốc liệt của việc cạnh tranh trên thị trường, nhưng với vị thế của một công ty lớn, nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định, sản phẩm chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh nên Công ty vẫn gia tăng được thị phần sản phẩm trên thị trường.



Công ty có thị trường tiêu thụ rộng khắp từ Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ đến miền Trung và Tây Nguyên. Đây là những khu vực có sức tiêu thụ phân bón lớn, thuận tiện cho việc vận chuyển sản phẩm của Công ty đến tay người tiêu dùng thông qua các đại lý phân phối. Hiện nay, theo thống kê của Công ty thì sản phẩm NPK của Công ty chiếm khoảng 12 - 20% thị phần cả nước, thị trường Phân lân chiếm 30 - 40% thị phần cả nước, tại khu vực miền Nam thì Phân lân Long Thành chiếm lĩnh hệ thống phân phối. Công ty đang không ngừng mở rộng thị phần ra khu vực phía Bắc và các nước trong khu vực.

Công ty đã thiết lập được hệ thống kênh phân phối rộng khắp trên cả nước với hơn 400 đại lý cấp 1, hơn 10.000 đại lý cấp 2 và đang thiết lập 1 số kênh phân phối tại các nước khác trong khu vực.

7.2 Triển vọng của ngành

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2014 ước tính đạt 548,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Nông nghiệp đạt 395,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4%; lâm nghiệp đạt 18,2 nghìn tỷ đồng, tăng 6,1%; thủy sản đạt 134,4 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5% (<https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=14081>). Mức tăng trưởng của ngành nông nghiệp giảm đáng kể trong vòng 5 năm gần đây, từ 6,1% xuống 2,01%. Tuy nhiên, nông nghiệp vẫn khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế với giá trị sản xuất chiếm hơn 75% tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản. Bên cạnh đó, nông nghiệp Việt Nam sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ hơn trong giai đoạn từ 2013-2020 với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đây là lợi thế rất lớn của ngành phục vụ sản xuất nông nghiệp như ngành sản xuất phân bón.

Theo thông tin từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong năm 2014, nhu cầu phân bón các loại phục vụ sản xuất nông nghiệp ước khoảng 11 triệu tấn. Tuy nhiên, sản lượng phân bón sản xuất trong nước mới đạt khoảng 8 triệu tấn, do đó để đáp ứng đủ nhu cầu trong nước buộc nước ta phải nhập khẩu thêm khoảng 3 triệu tấn phân bón các loại. Từ đó có thể thấy cơ hội phát triển dành cho các công ty sản xuất phân bón vẫn còn rất nhiều.

Với mục tiêu Nhà nước đề ra là hướng tới việc giảm nhập khẩu sản phẩm phân bón trong tương lai, cụ thể là đến 2015 sẽ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và hướng đến xuất khẩu, Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam đang thực hiện đẩy mạnh sản xuất và cải tiến chất lượng, là bước đi đúng đắn và hoàn toàn phù hợp với chủ trương này. Là một nước nông nghiệp đang phát triển, Việt Nam có tiềm năng phát triển mạnh trong lĩnh vực phân bón để phục vụ cho ngành nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm lúa gạo, cà phê, cao su v.v. Tuy vậy, bên cạnh tiềm năng phát triển mạnh mẽ là những khó khăn cho ngành, cụ thể là sự sụt giảm ngày một lớn của diện tích đất nông nghiệp và tình trạng thiếu kiểm soát về thị trường phân bón giả, kém chất lượng.

7.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh với các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu của Công ty so với các công ty cùng ngành niêm yết trên thị trường chứng khoán

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên Công ty	Nợ phải trả (30/09/14)	Vốn chủ sở hữu (30/09/14)	Hệ số Nợ/ VCSH
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (DPM)	1,339,416	9,207,729	0.33



Tên Công ty	Nợ phải trả (30/09/14)	Vốn chủ sở hữu (30/09/14)	Hệ số Nợ/ VCSH
Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (LAS)	1,057,444	1,279,551	0.83
Công ty Cổ Phần Phân lân Ninh Bình (NFC)	65,824	200,478	0.33
Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I (HAI)	433,062	386,473	1.12
Bình quân ngành			0.65
Công ty CP Phân bón Miền Nam	968,703	569,543	1.70

(Nguồn: Báo cáo tài chính 9 tháng đầu 2014 của các công ty niêm yết công bố trên HSX, HNX và Báo cáo tài chính của Công ty CP Phân Bón Miền Nam chưa được kiểm toán)

Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty CP Phân Bón Miền Nam lớn hơn nhiều so với bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành do Công ty sử dụng nhiều vốn vay ngắn hạn làm vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh. Tại mục Nợ phải trả của Công ty có một khoản phải nộp Nhà nước 333,44 tỷ đồng về tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa của 3 lô đất tại 368 và 582 Kinh Dương Vương, Q.Bình Tân và tại C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh (xem Bảng 25). Do tại thời điểm hạch toán giá trị chuyển đổi của các lô đất trên chưa được Ủy ban Nhân dân TPHCM phê duyệt do đó vẫn tồn tại khoản phải nộp nói trên.

So sánh chỉ số Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BV) của Công ty so với các công ty cùng ngành niêm yết trên thị trường chứng khoán

Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu (30/09/14) (tr đ)	KLCP đang lưu hành (cổ phần)	Giá trị sổ sách/ cp ngày 30/06/14 (đồng)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (DPM)	9,207,729	379,934,260	24,235
Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (LAS)	1,279,551	77,832,000	16,440
Công ty Cổ Phần Phân lân Ninh Bình (NFC)	200,478	10,487,551	19,116
Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I (HAI)	386,473	17,399,991	22,211
Bình quân ngành			20,500
Công ty CP Phân bón Miền Nam	569,554	43,543,306	13,080

(Nguồn: Báo cáo tài chính 9 tháng đầu 2014 của các công ty niêm yết công bố trên HSX, HNX và Báo cáo tài chính của Công ty CP Phân Bón Miền Nam chưa được kiểm toán)



Giá trị sổ sách của Công ty CP Phân Bón Miền Nam tương đối nhỏ so với bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành.

So sánh doanh thu tiêu thụ và chỉ số lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) của Công ty so với các công ty cùng ngành niêm yết trên thị trường chứng khoán

Doanh thu và EPS năm 2013

Đơn vị tính: đồng/01 cổ phần

Tên Công ty	Doanh thu thuần Năm 2013 (tr đồng)	EPS Năm 2013
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (DPM)	10,363,418	5,836
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (LAS)	4,768,477	5,786
Công ty Cổ Phần Phân lân Ninh Bình (NFC)	735,369	6,139
Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I (HAI)	919,158	2,661
Bình quân ngành	4,196,606	5,106
Công ty CP Phân bón Miền Nam	2,638,857	2,650

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của các công ty niêm yết công bố trên HSX, HNX và Báo cáo tài chính của Công ty CP Phân Bón Miền Nam.

Doanh thu và EPS 4 quý gần nhất (từ 01/10/2013 đến 30/09/2014)

Đơn vị tính: đồng/01 cổ phần

Tên Công ty	Doanh thu thuần 4 quý gần nhất (tr đồng)	EPS 4 quý gần nhất
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (DPM)	9,460,528	3,143
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (LAS)	4,458,057	5,013
Công ty Cổ Phần Phân lân Ninh Bình (NFC)	669,174	3,281
Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I (HAI)	896,817	2,212
Bình quân ngành	3,871,144	3,412
Công ty CP Phân bón Miền Nam	2,398,806	2,032

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013 và BCTC 9 tháng đầu năm 2014 chưa được kiểm toán của các công ty niêm yết công bố trên HSX, HNX và Báo cáo tài chính của Công ty CP Phân Bón Miền Nam)

Doanh thu thuần của Công ty CP Phân Bón Miền Nam thấp hơn DPM và LAS nhưng cao hơn NFC và HAI. Doanh thu này tương xứng với qui mô vốn của công ty so với các công ty khác.

EPS của Công ty CP Phân Bón Miền Nam tương đối thấp hơn so với bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành.



7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và vị thế chung trên thế giới

Trên cơ sở phân tích tình hình chung trong nước, thế giới và các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp, lãnh đạo Công ty Phân bón Miền Nam đã đề ra định hướng đúng đắn là tiếp tục đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm truyền thống và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với thế mạnh của doanh nghiệp nhằm gia tăng sản lượng, chất lượng và thị phần trong giai đoạn phát triển tiếp theo sau khi cổ phần hóa.

Từng bước đầu tư mở rộng hệ thống các kênh phân phối, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Tình hình lao động

Phân loại lao động thời điểm 30/09/2014: tổng số 732 người

Bảng 17: Phân loại lao động

	Số lượng	
	Nam	Nữ
Phân theo trình độ học vấn	732	109
Trên đại học	2	2
Đại học,	120	27
Cao đẳng + Trung cấp	94	18
Công nhân kỹ thuật-Cao đẳng nghề-Trung cấp nghề	229	20
Lao động phổ thông	287	42
Lao động khác	0	0
Phân theo phân công lao động	732	109
Hội đồng quản trị/Ban Tổng giám đốc	4	0
Lao động quản lý	58	10
Lao động trực tiếp	507	45
Lao động gián tiếp, phục vụ	163	54
Phân theo thời gian hợp đồng	727	109
Hợp đồng không xác định	433	88
Hợp đồng 1 - 3 năm	294	21

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

8.2 Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc, hợp đồng lao động, chế độ thai sản, con nhỏ, nghỉ phép, nghỉ ốm, làm thêm giờ:

- Chế độ làm việc: 8h/ngày; từ 5,5 đến 6 ngày/tuần. Làm việc theo giờ hành chính bắt đầu 7h30 kết thúc 16h30. Công nhân trong dây chuyền sản xuất làm việc theo ca (ca 1 bắt đầu từ 7h, kết thúc lúc 15h; ca 2 bắt đầu 15h kết thúc 23h; ca 3 bắt đầu 23h và kết thúc lúc 7h).



- Hợp đồng lao động: Tất cả NLĐ làm việc trong công ty đều phải ký HĐLĐ theo một trong các loại hợp đồng sau: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; Hợp đồng lao động theo thời vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời gian dưới 12 tháng.
- Các chế độ nghỉ ốm, thai sản: Thực hiện theo luật bảo hiểm xã hội.
- Các chế độ nghỉ phép, chế độ đối với lao động nữ, nuôi con nhỏ: Thực hiện theo quy định của bộ luật lao động và các thông tư hướng dẫn.
- Làm thêm giờ: Công ty huy động làm thêm giờ trong các trường hợp sửa chữa các thiết bị hư hỏng đột xuất; khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, cần tăng sản lượng để đáp ứng thị trường, yêu cầu của khách hàng, hoặc các trường hợp cần thiết khác.
- Thời gian làm thêm và chế độ khi làm thêm giờ thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn khác của nhà nước.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Bộ phận phụ trách: Phòng Tổ chức cán bộ (TCCB) và Hành chính;
- Quy chế tuyển dụng: Tuyển dụng theo nhu cầu về số lượng lao động, về trình độ lao động, về chuyên môn nghiệp vụ, bậc thợ; Mỗi cương vị có yêu cầu khác nhau. Căn cứ vào yêu cầu lao động của từng đơn vị trong Công ty, hồ sơ tuyển dụng, kiểm tra thực tế cùng thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện;
- Hàng năm công ty đều bỏ ra kinh phí đào tạo để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao tay nghề để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Người lao động đi học theo yêu cầu công việc, do Công ty cử đi thì những ngày đi học được hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty;
- Người lao động đi học không do Công ty cử đi, hoặc các ngành nghề Công ty không có nhu cầu thì phải tự túc kinh phí và thời gian;
- Người lao động tự đi học để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công việc của mình thì tùy theo khả năng tài chính của Công ty, Công ty hỗ trợ một phần kinh phí.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Mức lương bình quân trong năm 2013: 8.877.891 đồng/người/tháng
- Cách trả lương, thưởng, các chế độ phúc lợi khác:

Lương & thưởng gắn với kết quả kinh doanh, năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả của từng công việc và của từng người lao động. Đối với các cương vị có sản phẩm thì tiền lương được tính theo đơn giá sản phẩm, đơn giá sản phẩm được xây dựng trên cơ sở định mức lao động, cấp bậc công việc và năng suất của máy móc thiết bị. Đối với các cương vị phục vụ và gián tiếp không có sản phẩm thì tiền lương được tính trên cơ sở tiền lương bình quân của người lao động hưởng lương theo đơn giá sản phẩm.

Hàng tháng, quý, năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và những yếu tố kinh tế, xã hội khác để động viên người lao động cố gắng trong lao động, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất trên cơ sở tiền lương Công ty có chi thêm tiền bổ sung theo lương.

Thu nhập hàng tháng của người lao động bao gồm tiền lương theo đơn giá sản phẩm, tiền bổ sung theo tiền lương, tiền lương chế độ theo quy định của pháp luật (phép, lễ v.v...). Lương chế độ được tính theo mức lương tối thiểu do chính phủ quy định và hệ số lương tại các thang bảng lương được quy định tại nghị định 205/2004/NĐ-CP.



Hình thức trả lương: thanh toán cuối kỳ lương từ ngày mùng 4 đến ngày 6 tháng sau.

Về tiền thưởng: Căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của người lao động, căn cứ vào nguồn tiền thưởng hàng năm được trích để tính thưởng cho từng người.

9. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 25/4/2013, Công ty đã quyết định mức trả cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ và theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 25/4/2014, Công ty đã quyết định mức trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ. Mức chia cổ tức cho năm 2014 dự kiến ở mức 15%.

Bảng 18: Trả cổ tức

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
Vốn điều lệ	Đồng	414.699.890.000	435.433.060.000
Số lượng cổ phiếu phát hành	Cổ phần	41.469.989	43.543.306
Số lượng cổ phiếu quỹ	Cổ phần	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phần	41.469.989	43.543.306
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	20%	20%
<i>Trong đó:</i>			
Cổ tức chia bằng tiền mặt	%	15%	20%
Cổ tức chia bằng cổ phiếu	%	5%	-

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Cổ tức năm 2013 đã được Công ty chi trả một lần vào ngày 01/07/2014. Đến thời điểm niêm yết, Công ty vẫn chưa chi trả khoản cổ tức nào của năm 2014.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ của Công ty theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa theo Quyết định số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.

**Bảng 19: Khấu hao tài sản**

Tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	03 – 06 năm
Phương tiện vận tải	03 – 06 năm
Quyền sử dụng đất	39 – 50 năm

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Mức lương bình quân: mức lương bình quân trong Công ty là 8.877.891 đồng/người/tháng. Mức lương bình quân của Công ty cao hơn so với mức trung bình của các doanh nghiệp trong địa bàn và các công ty phân bón thuộc tập đoàn Hóa chất.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn/các khoản phải nộp: Công ty đã thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn, các khoản phải nộp theo luật định một cách đầy đủ và đúng hạn theo quy định. Hiện Công ty không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 1 năm.

Bảng 20: Các loại thuế*(Đơn vị: VND)*

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.543.475.477	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	24.290.292.512	26.924.976.481	16.427.145.952
Thuế Thu nhập cá nhân	1.758.350.558	864.129.094	38.591.009
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	1.697.858.581	764.441.426	758.439.925
Các loại thuế khác	333.441.468.000	333.441.468.000	333.447.469.501
Tổng	361.187.969.651	363.538.490.478	350.671.646.387

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trong danh mục thuế phải trả của Công ty, mục thuế khác chiếm tỷ trọng lớn nhất 333.441.468.000 đồng là khoản phải nộp về thu tiền chuyển quyền sử dụng đất theo Quyết định số 191/QĐ-HCVN ngày 22/04/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Hoá chất Việt Nam về việc xác định giá trị Công ty Phân bón Miền Nam để cổ phần hoá. Trong đó:



- o Đất của Xí nghiệp cơ khí Bao bì Thanh Đa tại 368 Kinh Dương Vương - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh có diện tích: 4.836 m² ; Giá trị là: 80.567.760.000 đồng.
- o Đất của Trung tâm Nghiên cứu Phân bón tại 582 Kinh Dương Vương - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh có diện tích: 12.240,3 m² ; Giá trị là: 203.923.398.000 đồng.
- o Đất của Xí nghiệp Phân bón Bình Điền I tại số C1/3 Quốc lộ 1 A xã Tân Kiên - Huyện Bình Chánh TP. Hồ Chí Minh có diện tích: 11.939,1 m²; Giá trị là: 48.950.310.000 đồng.

Tại biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá ngày 15/03/2010, công ty đã chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất với 3 lô đất trên. Cơ quan tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá đã kiến nghị như sau:

- + Giá trị các lô đất nói trên là kết quả tạm tính tại thời điểm định giá (chưa có quy hoạch chi tiết). Giá trị quyền sd đất chính thức do UBND TPHCM phê duyệt và có thể thay đổi so với giá trị nêu trên.
- + Sau khi được UBND TPHCM phê duyệt giá trị quyền sử dụng đất của các lô đất xin giao, Công ty CP Phân bón Miền nam có trách nhiệm nộp đầy đủ tiền chuyển quyền sd đất vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Ngày 04/08/2014, Công ty CP Phân bón Miền nam có công văn số 179/CV-KTTK gửi Bộ tài chính và Tập đoàn Hoá chất Việt Nam kiến nghị xử lý 3 lô đất nói trên như sau:

- + 02 lô đất tại Kinh Dương Vương: chuyển trả lại cho UBND TPHCM để xử lý theo quy hoạch chung của TP.
- + Lô đất tại Bình Tân: kiến nghị thực hiện các thủ tục giao đất dưới hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Tuy nhiên việc kiến nghị này đến nay vẫn chưa nhận được phản hồi từ cấp có thẩm quyền.

Trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ và luật định: Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm, HĐQT Công ty đề xuất cho ĐHĐCĐ về việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế, phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

Bảng 21: Trích lập các quỹ

(Đơn vị: VND)

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Quỹ đầu tư phát triển	5.865.000.000	10.978.000.000	16.748.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5.865.000.000	10.978.000.000	16.748.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.086.770.351	13.348.359.051	14.981.638.020
Tổng	23.816.770.351	35.304.359.051	48.477.638.020

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam.

Tổng dư nợ vay



▪ **Vay và nợ ngắn hạn**

Bảng 22: Tình hình vay và nợ ngắn hạn

(Đơn vị: VNĐ)

Chỉ tiêu	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	31/12/2013	30/09/2014
Vay ngân hàng				869.178.930.508	401.115.242.508
Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tp. HCM	700 tỷ đồng	12 tháng	5,5% - 7% / Năm	420.106.123.182	188.581.351.775
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	100 tỷ đồng	12 tháng	6.15% - 7.01% / Năm	17.238.529.350	11.154.257.435
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	14.200.000 USD	12 tháng	4.5% - 8.55% / Năm	135.833.785.476	29.026.059.287
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM	600 tỷ đồng	12 tháng	5,5% - 6% / Năm	178.602.718.111	124.350.444.220
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Tp. HCM	100 tỷ đồng	12 tháng	5,3% / Năm	52.693.101.400	17.669.964.161
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	10.000.000 USD	12 tháng	5,5% - 6% / Năm	64.704.672.989	30.333.165.630
Vay tổ chức khác				60.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	350 tỷ đồng	12 tháng	7,7% / Năm	60.000.000.000	10.000.000.000
Tổng vay và nợ ngắn hạn				929.178.930.508	411.115.242.508

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

▪ **Vay và nợ dài hạn**

Bảng 23: Tình hình vay và nợ dài hạn

(Đơn vị: VNĐ)

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Vay dài hạn	992.410.725	790.518.647	785.610.456



Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Vay cán bộ, công nhân viên công ty	992.410.725	790.518.647	785.610.456
Nợ dài hạn	1.018.216.755	1.018.216.755	1.018.216.755
Nợ dài hạn khác	1.018.216.755	1.018.216.755	1.018.216.755
Tổng vay và nợ dài hạn	2.010.627.480	1.808.735.402	1.803.827.211

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

Tình hình công nợ hiện nay

Hiện nay các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan không có khoản nợ nào đối với Công ty.

Bảng 24: Khoản phải thu

(Đơn vị: VND)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	30/09/2014
Phải thu khách hàng	292.127.630.992	295.131.435.297	349.724.978.744
Trả trước cho người bán	27.092.668.375	14.737.897.170	18.137.196.043
Các khoản phải thu khác	22.195.849.394	25.673.820.092	1.116.427.524
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(24.203.049.320)	(22.437.333.443)	(22.430.631.678)
Tổng phải thu	317.213.099.441	313.105.819.116	346.547.970.633

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

Trong danh mục khoản phải thu của Công ty, mục khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Số dư phải thu khách hàng lớn lý do là Công ty có chính sách bán gởi đầu cho đại lý phân phối, thông thường kỳ hạn thanh toán là từ 2 tháng đến 4 tháng tùy theo từng đại lý và vùng miền.

Chỉ số các Khoản phải thu/ Hàng tồn kho lần lượt qua các năm là 0.33 lần vào cuối năm 2012, 0.41 lần cuối năm 2013 và 0.63 lần vào 30/09/2014. Chỉ số này tương đối cao do công ty cho các đại lý kỳ hạn thanh toán dài (tối đa 4 tháng). Do đặc thù của ngành sản xuất phân bón là sản xuất và tiêu thụ theo mùa vụ nên chỉ số này tại 30/09/2014 tăng cao đột ngột do vào vụ hè thu sản lượng phân bón của công ty tiêu thụ mạnh dẫn đến nợ khoản phải thu các đại lý phân phối tăng mạnh, đồng thời do vừa kết thúc vụ cũng làm lượng hàng tồn kho của công ty giảm xuống.

Bảng 25: Nợ phải trả

(Đơn vị: VND)



Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Vay và Nợ ngắn hạn	988.475.251.508	929.178.930.508	411.115.242.508
Các khoản phải trả	591.580.902.721	510.739.850.542	554.834.458.611
+ Phải trả người bán	152.415.532.974	87.065.508.432	104.327.738.822
+ Người mua trả trước	2.450.807.942	14.706.809.089	14.944.937.149
+ Thuế và khoản phải nộp Nhà nước (xem chi tiết Bảng 20)	361.187.969.651	363.538.490.478	350.671.646.387
+ Phải trả NLD	22.446.432.696	18.912.384.152	26.542.018.753
+ Chi phí phải trả	2.248.860.185	1.910.223.692	27.373.968.756
+ Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	38.744.528.922	38.744.528.922	15.992.510.724
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.086.770.351	12.086.770.351	14.981.638.020
Nợ dài hạn	3.982.639.331	3.282.598.184	2.753.201.526
Tổng Nợ phải trả	1.584.038.793.560	1.443.201.379.234	968.702.902.645

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

Chỉ số Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu của Công ty cũng ở mức cao lần lượt là gần 2,92 lần trong năm 2012, 2,47 lần trong năm 2013 và 1,7 lần trong 9 tháng đầu 2014, một phần do trong Nợ phải trả của Công ty có một khoản phải nộp Nhà nước 333,44 tỷ đồng (từ khi chuyển sang công ty cổ phần đến nay) về khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa của 03 lô đất tại 368 và 582 Kinh Dương Vương, Q. Tân Bình và tại C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh. Hiện Công ty đã có công văn gửi lên Bộ tài chính và Tập Đoàn Hóa chất Việt Nam để kiến nghị xử lý theo hướng trả lại cho UBND Thành phố Hồ Chí Minh 02 lô đất tại 368 và 582 Kinh Dương Vương, Q. Tân Bình và xin được thuê đất trả tiền hàng năm 01 lô đất còn lại tại C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh (xem phần thuyết minh của Bảng 20).

Ngoài ra trong Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác ngày 30/09/2014 có khoản phải trả về chi phí nhập kho chưa có chứng từ, hóa đơn 4,56 tỷ đồng, nguyên nhân là do vào ngày 30/09/2014 Công ty đã có nhập kho một số lô hàng nguyên liệu về kho của nhà máy nhưng hóa đơn chứng từ thì nhà cung cấp không kịp xuất cho Công ty trong tháng 09/2014.

Số dư Vay và nợ ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng trong tổng Nợ phải trả vào cuối năm 2012, 2013 và tại 30/09/2014 lần lượt là 62,4%, 64,38% và 42,44%. Số dư Vay và nợ ngắn hạn của Công ty đã giảm



mạnh vào 30/09/2014 từ 929,18 tỷ đồng vào cuối năm 2013 xuống còn 411,12 tỷ đồng vào 30/09/2014 do nhu cầu vốn lưu động Công ty giảm (kết thúc vụ hè thu).

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng đầu 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>)	lần	0,96	1,01	1,00
+ Hệ số thanh toán nhanh [<i>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>]	lần	0,35	0,47	0,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,74	0,71	0,63
+ Nợ /Vốn chủ sở hữu	lần	2,92	2,47	1,71
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (BQ)</i>)	lần	1,43	1,27	1,00
Vòng quay hàng tồn kho (<i>GVHB/Hàng tồn kho bình quân</i>)	lần	2,94	2,70	2,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,54	4,37	4,58
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu BQ	%	19,67	20,47	14,1
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	5,06	5,55	4,57
Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	4,19	5,32	5,39

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 chưa kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam.

Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty từ 2012 đến nay ở mức trung bình thấp, thể hiện bởi hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức xoay quanh 01 lần, dao động từ 0.96 đến 1,01 lần và hệ số thanh toán nhanh ở mức thấp nguyên nhân do tình hình kinh tế suy thoái, việc tiêu thụ sản phẩm chậm nên hàng tồn kho luôn ở mức cao, ngoài ra công ty phải bán hàng trả chậm dẫn đến phát sinh nợ phải thu lớn.

Về cơ cấu vốn, chỉ số Nợ phải trả/ Tổng tài sản ở mức trung bình là 0.7 lần. Chỉ số Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu của Công ty cũng ở mức cao lần lượt là gần 2,92 lần vào cuối năm 2012, 2,47 lần năm 2013 và 1,71 lần vào 30/09/2014. So với các công ty cùng ngành phân bón khác đã niêm yết thì tỷ lệ này ở mức quá cao so với bình quân là 0,65 lần (*xem phần 7.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành*).



Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty ở mức trung bình thấp với mức 2,94 lần trong năm 2012 và 2,7 lần trong năm 2013.

Về khả năng sinh lời, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần của Công ty tăng dần qua các năm, cụ thể lần lượt trong năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu 2014 là 3,54%, 4,37% và 4,58%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) trong hai năm qua của Công ty ở mức khá ổn định, lần lượt là 19,67% trong năm 2012 và 20,47% trong năm 2013.

11. Hội đồng quản trị, Ban giám Đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Danh sách Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
Ông Phùng Quang Hiệp	Chủ tịch HĐQT	1977	025143116
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên HĐQT	1953	022324120
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên HĐQT	1956	023622166
Ông Nguyễn Bá Thanh	Thành viên HĐQT	1957	020631046
Ông Trần Phi Hùng	Thành viên HĐQT	1981	271521489
Ông Vũ Nhất Tâm	Thành viên HĐQT	1960	012420006

Ghi chú: ông Trần Phi Hùng là thành viên HĐQT độc lập đáp ứng khoản 3 Điều 2 của Thông tư Số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26 tháng 7 năm 2012. Ông Phùng Quang Hiệp và ông Vũ Nhất Tâm là thành viên không điều hành nhưng do là người đại diện phần vốn của cổ đông lớn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nên được xem là thành viên không độc lập. Như vậy hiện nay số thành viên HĐQT độc lập của Công ty là 01 thành viên, chiếm tỷ lệ 1/6 và không đạt yêu cầu “tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập” như theo quy định tại Điều 11 của Thông tư Số 121/2012/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã có Công văn cam kết với HOSE là sẽ điều chỉnh tăng số thành viên HĐQT độc lập cho phù hợp với qui định của Thông tư Số 121/2012/TT-BTC trong thời gian sớm nhất có thể.

Sơ yếu lý lịch :

Họ và tên: Phùng Quang Hiệp	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1977

**Họ và tên: Phùng Quang Hiệp****Chức vụ: Chủ tịch HĐQT**

Số CMND:

025143116

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

20E2, CT4, Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ tháng 04/2001 đến tháng 06/2002:

Kế toán Công ty cổ phần vật tư xuất nhập khẩu Từ Liêm, Hà Nội

+ Từ tháng 07/2002 đến tháng 02/2004:

Chuyên viên phòng TCKT ban QLDA Đạm Phú Mỹ

+ Từ tháng 03/2004 đến tháng 02/2005:

Chuyên viên phòng TCKT Công ty Phân Đạm và hóa chất Dầu Khí

+ Từ tháng 03/2005 đến tháng 08/2006:

Phó trưởng phòng phụ trách phòng TCKT ban CBĐT công ty đường ống dẫn khí Lô B- Ô Môn

+ Từ tháng 09/2006 đến tháng 08/2007:

Kế toán trưởng ban CBĐT công ty đường ống dẫn khí Lô B- Ô Môn

+ Từ tháng 09/2007 đến tháng 04/2010:

Kế toán trưởng Ban QLDA dầu khí Tây Nam Bộ

+ Từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2011:

Kế toán trưởng Công ty điều hành đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn

+ Từ tháng 05/2011 đến tháng 07/2011:

Trợ lý Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa chất

+ Từ tháng 07/2011 đến tháng 02/2012:

Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư và XNK Hóa Chất

+ Từ tháng 03/2012 đến tháng 04/2012:

Phó tổng giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam

+ Từ tháng 04/2012 đến ngày 04/09/2014:

Tổng giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam

+ Từ ngày 05/09/2014 đến nay:

Hàm trưởng ban Ban đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam

**Họ và tên: Phùng Quang Hiệp****Chức vụ: Chủ tịch HĐQT**

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác

Hàm trưởng ban Ban Người đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ

8.731.706 cổ phần

- Số cổ phần sở hữu

0 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu

8.731.706 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không

Số cổ phần của những người có liên quan

Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Thù lao hội đồng quản trị 10.000.000 đ/tháng

Họ và tên: Nguyễn Tấn Đạt**Chức vụ: Thành viên HĐQT/TGD**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1953

Số CMND:

022324120

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

12 Lê Ngô Cát, P7, Q3, HCM

Trình độ văn hóa:

10/10

Trình độ chuyên môn:

Đại học

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 1970 đến 1975:

Bộ đội

+ Từ 1976 đến 1980:

Học Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

+ Từ 1981 đến 1990:

Trưởng Phòng kế hoạch vật tư – Công ty Phân bón Miền Nam

+ Từ 1990 đến 1993:

Giám đốc Nhà máy An Lạc – Công ty Phân bón Miền Nam

+ Từ 1994 đến 2002:

Phó giám đốc – Công ty Phân bón Miền Nam



Họ và tên: Nguyễn Tấn Đạt	Chức vụ: Thành viên HĐQT/TGD
+ Từ 2003 đến 2010:	Giám đốc – Công ty Phân bón Miền Nam
+ Từ 2010 đến 2013:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
+ Từ 2014 đến nay:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
Chức vụ công tác hiện nay:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH hóa chất LG VINA
Số cổ phần nắm giữ	177.754 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu	177.754 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Vợ Trịnh Thị Ý sở hữu 26.334 cổ phần Con Nguyễn Trịnh Quỳnh Anh sở hữu 23.100 cổ phần Con Nguyễn Trịnh Hoàng Hải sở hữu 23.100 cổ phần Em ruột Nguyễn Khả Yêm sở hữu 15.361 cổ phần Em ruột Nguyễn Thị Lộc sở hữu 5.775 cổ phần
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao hội đồng quản trị 8.000.000 đ/tháng.

Họ và tên Nguyễn Minh Sơn	Chức vụ: Thành viên HĐQT/Phó TGD
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1956
Số CMND:	023622166
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	284/5 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 10, Quận Phú Nhuận. TP. HCM



Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 8/1983 đến 6/1989: Làm tại Nhà máy phân bón Bình Điền 1 thuộc Công ty phân bón Miền Nam.
+ Từ 1989 đến 6/1994: Phó Giám đốc Nhà máy phân bón Bình Điền 1 thuộc Công ty phân bón Miền Nam
+ Từ 7/1994 đến 12/2002: Giám đốc Nhà máy phân bón Bình Điền 1 thuộc Công ty phân bón Miền Nam
+ Từ 1/2003 đến 4/2005: Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh hóa chất LGVN
+ Từ 5/2005 đến 12/2011: Giám đốc Nhà máy phân bón Supe phốt phát Long Thành.
+ Từ 1/2012 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.

Chức vụ công tác hiện nay

Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác

Không có

Số cổ phần nắm giữ:

6.534.499 CP

- Số cổ phần sở hữu:

3.003 CP

- Số cổ phần đại diện sở hữu:

6.531.496 CP

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Số cổ phần của những người có liên quan:

+ Nguyễn Thị Kim Loan - Vợ: nắm giữ 2.887 cổ phần

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Thù lao hội đồng quản trị 8.000.000 đ/tháng.

Họ và tên: Nguyễn Bá Thanh**Chức vụ: Thành viên HĐQT/Phó TGĐ**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1957

Số CMND:

020631046

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

Số 09 lô C đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, TP. HCM

**Họ và tên: Nguyễn Bá Thanh****Chức vụ: Thành viên HĐQT/Phó TGĐ**

Trình độ văn hóa:

10/10

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư hóa

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 7/1977 đến 10/1986:

Công nhân trực tiếp sản xuất, tổ trưởng sản xuất, trưởng ca sản xuất, quản đốc phân xưởng Xí nghiệp phân bón An Lạc 1 thuộc Công ty phân bón Miền Nam.

+ Từ 10/1986 đến nay:

Cán bộ Phòng tổ chức CB công ty, phụ trách phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Tổng hợp. Từ 01/01/2002 Phó giám đốc Công ty kiêm chủ tịch công đoàn Công ty; Tháng 10/2010: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Phó bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần phân bón Miền Nam. (Phó giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp Yogen từ T10/2005 đến 31/12/2013).

Chức vụ công tác hiện nay:

Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần phân bón Miền Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Đảng ủy viên khối Doanh nghiệp công nghiệp TW tại TP.HCM.

Phó bí thư Đảng ủy cơ sở.

Số cổ phần nắm giữ:

6.546.626 cổ phần

- Số cổ phần sở hữu

15.130 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu

6.531.496 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không

Số cổ phần của những người có liên quan

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Thù lao hội đồng quản trị 8.000.000 đ/tháng.

Họ và tên: Trần Phi Hùng**Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị**

Giới tính:

Nam

**Họ và tên: Trần Phi Hùng****Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị**

Năm sinh:

1981

Số CMND:

271521489

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

22 Đ khu phố 6, Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Đại học kinh tế.

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 2005 đến 2007:

Nhân viên tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn.

Chức vụ công tác hiện nay

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác

Không

Số cổ phần nắm giữ

295.000 cổ phần

- Số cổ phần sở hữu

295.000 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu

0

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không

Số cổ phần của những người có liên quan

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Thù lao hội đồng quản trị 8.000.000 đ/tháng.

Họ và tên: Vũ Nhất Tâm**Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1960

Số CMND:

012420006

Quốc tịch:

Việt Nam

**Họ và tên: Vũ Nhất Tâm****Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị**

Địa chỉ thường trú:

Nhà D5A Phòng 210 Phố Trần Thái Tông Cầu Giấy Hà Nội

Trình độ văn hóa:

10/10

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư mỏ, Thạc sỹ luật

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 1984 đến 1987:

Phó quản đốc Xí nghiệp khai thác Đá Chẹ.

+ Từ 1987 đến 1989:

Chuyên viên Công ty thiết kế mỏ hóa chất.

+ Từ 1989 đến 1991:

Học viên Trường hành chính Quốc gia.

+ Từ 1991 đến 1999:

Chuyên viên, Phó văn phòng Tổng Công ty khoáng sản Việt Nam.

+ Từ 1999 đến 2003:

Chuyên viên chính Vụ pháp chế Bộ Công thương.

+ Từ 2003 đến nay:

Chuyên viên, Phó ban, Trưởng ban tổ chức nhân sự Tập đoàn hóa chất Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác

Trưởng ban tổ chức nhân sự Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ

6.531.496 cổ phần

- Số cổ phần sở hữu

0

- Số cổ phần đại diện sở hữu

6.531.496 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không

Số cổ phần của những người có liên quan

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Thù lao hội đồng quản trị 8.000.000 đ/tháng.

**11.2 Danh sách Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Tổng giám đốc	1953	022324120
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó tổng giám đốc	1956	023622166
Ông Nguyễn Bá Thanh	Phó tổng giám đốc	1957	020631046
Ông Nguyễn Khả Yên	Phó tổng giám đốc	1963	023868427

Sơ yếu lý lịch:❖ **Ông Nguyễn Tấn Đạt**

N như trình bày tại mục HĐQT trên

❖ **Ông Nguyễn Minh Sơn**

N như trình bày tại mục HĐQT trên

❖ **Ông Nguyễn Bá Thanh**

N như trình bày tại mục HĐQT trên

Họ và tên: Nguyễn Khả Yên**Chức vụ: Phó tổng giám đốc**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1963

Số CMND:

023868427

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

17 đường số 9, khu dân cư Nam Long, Phường An Lạc, quận Tân Bình, TP. HCM

Trình độ văn hóa:

10/10

Trình độ chuyên môn:

Đại học

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 1988 đến 1991:

Công nhân Nhà máy phân bón Cửu Long thuộc Công ty phân bón Miền Nam.

+ Từ 1992 đến 2010:

Làm việc tại Nhà máy phân bón An Lạc

(năm 2000 làm Quản đốc, năm 2007 bổ nhiệm Phó giám đốc tại Nhà máy phân bón An Lạc nay là Nhà máy phân bón Hiệp Phước).



Họ và tên: Nguyễn Khả Yên	Chức vụ: Phó tổng giám đốc
+ Từ 2011 đến 2012:	Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh LGVN (năm 2012 được bổ nhiệm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần phân bón Miền Nam).
+ Từ 2013 đến nay:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần phân bón Miền Nam kiêm Giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước .
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước .
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	+ Bí thư chi bộ Nhà máy phân bón Hiệp Phước . + Phó chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần phân bón Miền Nam + Ủy viên ban chấp hành công đoàn Tập đoàn hóa chất Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ	15.361 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu	15.361 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Vợ Lê Thùy Trang sở hữu 577 cổ phần Anh ruột Nguyễn Tấn Đạt sở hữu 177.754 cổ phần Chị ruột Nguyễn Thị Lộc sở hữu 5.775 cổ phần
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không

11.3 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
Ông Hà Thanh Sơn	Trưởng BKS	1967	011362898
Ông Trần Phương Bình	Thành viên BKS	1966	012643382
Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên BKS	1977	025469574

Sơ yếu lý lịch :

**Họ và tên: Hà Thanh Sơn****Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1967

Số CMND:

011362898

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

48A Tăng Bạt Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ kinh tế.

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 02/1990 đến 10/1990:

Công ty khai thác nước ngầm Hà Nội.

+ Từ 10/1990 đến 05/2012:

Công tác tại Ban tài chính kế toán tập đoàn hóa chất Việt Nam.

+ Từ 06/2012 đến nay:

Hàm trưởng ban, Ban thư ký hội đồng thành viên Tập đoàn hóa chất Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay

Trưởng ban kiểm soát Công ty CP phân bón Miền Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác

Hàm trưởng ban, Ban thư ký hội đồng thành viên tập đoàn hóa chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ

3.168 cổ phần

- Số cổ phần sở hữu

3.168 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu

0

Hành vi vi phạm pháp luật

Không có

Các khoản nợ đối với Công ty

Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không có

Số cổ phần của những người có liên quan

Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác

8.000.000 đ/tháng của Trưởng ban kiểm soát.

Họ và tên: Trần Phương Bình**Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát**

**Họ và tên: Trần Phương Bình****Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính:

Nam

Năm sinh:

1966

Số CMND:

012643382

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

323/38 đường Minh Phụng phường 2 quận 11 thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Đại học kinh tế

Quá trình công tác**Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 3/1993 đến 1997:

Nhân viên phòng kế toán Công ty phân bón Miền Nam.

+ Từ 1997 đến 01/1/2010:

Phó phòng kế toán Công ty phân bón Miền Nam.

+ Từ 01/01/2010 đến 01/10/ 2010:

Phó giám đốc tại Xí nghiệp phân bón Chánh Hưng thuộc Công ty phân bón Miền Nam

+ Từ 01/10/2010 đến nay:

Phó giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước thuộc Công ty cổ phần phân bón Miền Nam.

Chức vụ công tác hiện nay

Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần phân bón Miền Nam

Phó giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước thuộc Công ty CP phân bón Miền Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác

Không

Số cổ phần nắm giữ

1.963 cổ phần

- Số cổ phần sở hữu

1.963 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu

0

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không

Số cổ phần của những người có liên quan

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

4.000.000 đ/tháng của Ban kiểm soát.



Họ và tên: Vũ Trịnh Diễm Hồng	Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1977
Số CMND:	025469574
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	211 Chung cư An Hòa 3 phường Tân Thuận Đông quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Nhân viên Phòng tổ chức cán bộ hành chính
Quá trình công tác	Chức vụ và Nơi công tác
+ Từ 12/2000 đến 9-2003:	Nhân viên phòng kế toán Công ty giống cây trồng Nông Hữu, Long Thành, Đồng Nai
+ Từ 10/2003 đến 02/2011:	Nhân viên kế toán Nhà máy phân bón Hiệp Phước.
+ Từ 03/2011 đến nay:	Nhân viên phòng tổ chức cán bộ hành chính Công ty cổ phần phân bón Miền Nam.
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty CP phân bón Miền Nam.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	11.434 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu	11.434 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Số cổ phần của những người có liên quan	Chồng Võ Anh Tuấn sở hữu 3.465 cổ phần Em ruột Vũ Thanh Ngọc sở hữu 577 cổ phần
Thù lao và các khoản lợi ích khác	4.000.000 đ/tháng là thành viên Ban kiểm soát

**11.4 Kế toán trưởng**

Họ và tên: Trần Hữu Công		Chức vụ: Kế toán trưởng
Giới tính:		Nam
Năm sinh:		1961
Số CMND:		020808396
Quốc tịch:		Việt Nam
Địa chỉ thường trú:		436B /71Đ/2 đường 3/2, phường 12, quận 10 TP. HCM
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Đại học kinh tế
Quá trình công tác		Chức vụ và Nơi công tác
+ Từ 1984 đến 1995:		Phòng kế toán Công ty phân hóa chất cơ bản Miền Nam.
+ Từ 1995 đến nay:		Kế toán trưởng Công ty cổ phần phân bón Miền Nam.
Chức vụ công tác hiện nay		Kế toán trưởng Công ty cổ phần phân bón Miền Nam.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không có
Số cổ phần nắm giữ		17.325 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu		17.325 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu		0
Hành vi vi phạm pháp luật		Không có
Các khoản nợ đối với Công ty		Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty		Không có
Số cổ phần của những người có liên quan		Vợ Nguyễn Ngọc Thà sở hữu 11.550 cổ phần
Thù lao và các khoản lợi ích khác		4.000.000 đ/tháng thù lao phát ngôn viên Công ty cổ phần phân bón Miền Nam.

12. Tài sản

Tình hình tài sản: nhà xưởng, máy móc thiết bị chính, đất đai (theo bảng dưới đây):

**Bảng 27:** Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

(đơn vị: triệu đồng)

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
	Tài sản cố định hữu hình	355.708	282.511	81.567	22,93%
1	Máy móc thiết bị	175.619	132.180	43.439	24,73%
2	Phương tiện vận tải	30.774	18.563	12.211	39,68%
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	156.168	130.586	25.582	16,38%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.517	1.182	335	22,08%
	Tài sản cố định vô hình	456.017	7.326	448.691	98,39%
1	Giá trị quyền sử dụng đất	456.017	7.326	448.691	98,39%

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán của CTCP Phân bón Miền Nam

Bảng 28: Tài sản của Công ty tại thời điểm 30/06/2014

(đơn vị: triệu đồng)

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
	Tài sản cố định hữu hình	384.036	299.086	84.951	22,12%
1	Máy móc thiết bị	192.047	136.143	55.904	29,11%
2	Phương tiện vận tải	31.933	24.015	7.919	24,80%
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	158.450	137.603	20.847	13,16%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.606	1.325	281	17,50%
	Tài sản cố định vô hình	456.017	8.621	447.396	98,11%
1	Giá trị quyền sử dụng đất	456.017	8.621	447.396	98,11%

Nguồn: BCTC 6 tháng đầu năm 2014 đã kiểm toán soát xét của CTCP Phân bón Miền Nam

Bảng 29: Tình hình đất đai tính đến hiện tại

STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Thời điểm bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình (thuê/mua)
1	Quyền sử dụng đất có thời hạn - Lô	664,4	2012	2061	Giao đất có trả



STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Thời điểm bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình (thuê/mua)
	125B Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, Quận 3, Tp.HCM				tiền thuê hàng năm
2	Quyền sử dụng đất có thời hạn Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước	70.019	2002	2052	Trả tiền nhiều lần
3	Quyền sử dụng đất tại 582 Kinh Dương Vương, Quận Bình Tân, Tp.HCM	12.240,3	1977	Không thời hạn	Tạm thời Giao đất có trả tiền thuê hàng năm
4	Quyền sử dụng đất tại 368 Kinh Dương Vương, Quận Bình Tân, Tp.HCM	4.836	2006	Không thời hạn	Tạm thời Giao đất có trả tiền thuê hàng năm
5	Quyền sử dụng đất tại số C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, HCM	11.939,1	1978	Không thời hạn	Tạm thời Giao đất có trả tiền thuê hàng năm

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Hiện Công ty đã có công văn gửi lên Bộ tài chính và Tập Đoàn Hóa chất Việt Nam để kiến nghị xử lý theo hướng trả lại cho UBND Thành phố Hồ Chí Minh 02 lô đất tại 368 và 582 Kinh Dương Vương, Q. Tân Bình và xin được thuê đất trả tiền hàng năm 01 lô đất còn lại tại C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh (xem phần thuyết minh của Bảng 20).

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

13.1 Các mục tiêu chính

Kế hoạch ngắn hạn

- Tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh hoạt động SX-KD, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2014.
- Tiếp tục đầu tư xây dựng những hạng mục công trình trực tiếp phục vụ sản xuất còn dang dở trọng tâm là công trình sản xuất NPK 100.000 tấn/năm ở nhà máy Hiệp Phước. Coi trọng công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên thiết bị sản xuất đảm bảo cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2014.
- Tiếp tục thực hiện công tác nhân sự, đặc biệt là lực lượng cán bộ quản lý, điều hành đầu ngành để đáp ứng yêu cầu phát triển công ty trong giai đoạn mới.

Kế hoạch dài hạn

- Thường xuyên cập nhật chủ trương về đầu tư xây dựng của Nhà nước và Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam, tùy tình hình thực tế của Công ty, HĐQT sẽ có phương án trình Đại hội đồng cổ đông và Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam cho chủ trương về việc đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng công ty tại 125B Cách Mạng Tháng Tám, Q.3, Tp HCM.



- Nghiên cứu và lập phương án thành lập Công ty CP Dịch Vụ Kinh Doanh Vật Tư Nông Nghiệp trực thuộc Công ty.
- Nghiên cứu đầu tư các dự án mang tính chiến lược về sản phẩm mới để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công ty trên thị trường. Đặc biệt là các sản phẩm riêng có hiện nay của công ty.

13.2 Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức

Bảng 30: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

(đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Kế hoạch Năm 2014	Tăng/giảm so với 2013	Kế hoạch Năm 2015
Doanh thu thuần	2.638.857	3.450.000	30,74%	3.160.000
Lợi nhuận trước thuế	146.983	130.000	-11,55%	126.000
Lợi nhuận sau thuế	115.398	101.400	-12,13%	98.280
Vốn chủ sở hữu	585.318	585.318	-	604.100
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	4,37%	2,94%	-32,72%	3,11%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu	19,72%	17,32%	-12,17%	16,27%
Cổ tức	20%	15%	-25%	15%

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 nói trên:

Năm 2013 mặc dù nền kinh tế của cả nước còn gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng rất nhiều đến công tác sản xuất - kinh doanh của ngành sản xuất Phân bón và Hóa chất của cả nước nói chung và của Công ty CP Phân Bón Miền Nam nói riêng. Để khắc phục khó khăn năm 2013, Công ty đã thực hiện tổ chức lại công tác sản xuất kinh doanh như sắp xếp lại nguồn nhân lực. Công ty đã đề ra các chiến lược kinh doanh với những sản phẩm mới với chất lượng dinh dưỡng cao, mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu thực tế của bà con nông dân từng vùng miền. Thực hiện tốt công tác quảng bá thương hiệu, trình diễn kỹ thuật, tổ chức hội thảo và đưa sản phẩm gần gũi với bà con nông dân tại các vùng miền trong cả nước.

Với sự nỗ lực chỉ đạo và điều hành linh hoạt, sâu sát của Hội đồng quản trị và sự quyết tâm thực hiện của Ban Giám đốc Điều hành của Công ty nên trong năm 2013, Công ty Cp Phân Phân Bón Miền Nam đã vượt qua những khó khăn thách thức và có những bước thành công trong sản xuất kinh doanh trong năm 2013 với kết quả khá tốt.

Năm 2014, vẫn còn nhiều khó khăn thách thức đối với ngành sản xuất kinh doanh Phân bón, nhưng dưới sự điều hành tốt của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành của Công ty, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tiếp tục cải tiến đổi mới công tác quản lý sản xuất, tập trung chú trọng vào công tác thị trường, đầu tư mới dây chuyền công nghệ tiên tiến, tổ chức đẩy mạnh các phong trào thi đua sáng kiến tiết kiệm, hạn chế thấp nhất các chi phí sửa chữa, tiết kiệm tiêu hao năng lượng, nhiên liệu, nâng cao năng lực sản xuất của từng nhà máy, từng phân xưởng, từng bộ phận để hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 như kế hoạch đã đề ra.



Hiện nay, Công ty có thị trường rất ổn định, đảm bảo mục tiêu doanh thu dự báo của Công ty cả năm 2014 hoàn toàn có khả năng đạt được. Kế hoạch doanh thu tiêu thụ năm 2014 tăng mạnh nhưng do dự báo các loại chi phí Công ty sẽ tăng nên kế hoạch Lợi nhuận trước thuế 2014 đặt ra ở mức thấp hơn 2013 là 11,55% là khả thi và với mức lợi nhuận này mức chia cổ tức dự kiến năm 2014 là 15% là hợp lý. Đến thời điểm 9 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần của Công ty đã đạt 1.779.777 triệu đồng, chỉ đạt gần 52% kế hoạch cả năm 2014 đặt ra. Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế Công ty đạt 99.701 triệu đồng, đạt hơn 80% kế hoạch cả năm đặt ra.

Theo đánh giá của Công ty, năm 2015 cũng là năm vẫn còn nhiều khó khăn thách thức và Công ty cũng phải có sự nỗ lực cải tiến đổi mới trong hoạt động quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Kế hoạch kinh doanh năm 2015 được xây dựng dựa trên số liệu thực tế 9 tháng đầu năm 2014. Kế hoạch 2015 đã được Công ty xây dựng thấp hơn kế hoạch năm 2014, cụ thể doanh thu thuần giảm 8,4%, lợi nhuận trước thuế giảm 3% so với kế hoạch năm 2014. Với kế hoạch kinh doanh năm 2015 đặt ra thấp hơn kế hoạch kinh doanh năm 2014 thì khả năng đạt được kế hoạch là rất khả thi và mức cổ tức dự kiến năm 2015 15% là phù hợp.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam. Căn cứ trên năng lực của Công ty dựa trên hiệu quả hoạt động sản xuất và triển vọng phát triển trong tương lai của ngành dựa trên sự phát triển chung của ngành nông nghiệp, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra trong 2014 và 2015 có thể thực hiện được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

PHẦN V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá:** 10.000 đồng.
- Mã chứng khoán:** SFG
- Tổng số chứng khoán niêm yết:** 43.543.306 cổ phiếu.



5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Bảng 31: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
1	Phùng Quang Hiệp	Chủ tịch	0	5.775
2	Nguyễn Bá Thanh	Ủy viên / Phó TGD	15.130	7.565
3	Trần Phi Hùng	Ủy viên	295.000	147.500
4	Nguyễn Minh Sơn	Ủy viên / Phó TGD	3.003	1.502
5	Nguyễn Tấn Đạt	Ủy viên / TGD	177.754	88.877
6	Nguyễn Khả Yên	Phó Tổng GD	15.361	7.681
7	Hà Thanh Sơn	Trưởng ban	3.168	1.584
8	Trần Phương Bình	Ủy viên	1.963	982
9	Vũ Trịnh Diễm Hồng	Ủy viên	11.434	5.717
10	Trần Hữu Công	Kế toán trưởng	17.325	8.663
Cộng			540.138	270.071

Nguồn: CTCP Phân bón Miền Nam

Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán có quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng phải cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Do đó cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty kể từ ngày niêm yết sẽ bị hạn chế chuyển nhượng: phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

6. Phương pháp tính giá



Việc định giá giá trị cổ phiếu của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam dựa trên hai phương pháp là P/E (Price/Earnings – Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần) và chiết khấu dòng cổ tức, Phương pháp P/E được so sánh với bốn (04) doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP.HCM. Đây là 04 công ty có cùng cơ cấu sản phẩm là phân bón và đều là những công ty chiếm thị phần lớn trên thị trường phân bón:

Bảng 32: Doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết

Mã chứng khoán	Tên Công ty	Sàn Giao dịch
DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	HSX
LAS	CTCP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX
NFC	CTCP Phân lân Ninh Bình	HNX
HAI	Công ty Cổ phần Nông dược HAI	HSX

Phương pháp P/E

Dựa theo phương pháp P/E, áp dụng cho các doanh nghiệp cùng ngành như trên, sử dụng giá đang được giao dịch trên thị trường và lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) của 4 quý gần nhất.

Bảng 33: Chỉ số P/E bình quân của doanh nghiệp cùng ngành

Mã chứng khoán	EPS 4 quý gần nhất (từ 01/10/13 đến 30/09/14)	Giá cổ phiếu tại 05/11/2014	P/E
DPM	3,143	30,100	9.58
LAS	5,013	31,600	6.30
NFC	3,281	33,900	10.33
HAI	2,212	41,600	18.81
P/E Bình quân			11.25

(Nguồn: ESP lấy theo BCTC năm 2013 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2014 của các Công ty chứng khoán và Giá cổ phiếu lấy theo thông tin công bố trên website sàn HSX và HNX)

Chỉ số P/E bình quân của 04 doanh nghiệp cùng ngành là **11.25** lần.

EPS 4 quý gần nhất của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam là: 2.032 đồng/ cổ phiếu

Do đó dựa vào phương pháp P/E, giá dự kiến cho cổ phiếu của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam như sau:

Giá dự kiến = EPS x P/E = 2.032 x 11.25 = 22.860 đồng

Như vậy, giá một cổ phần của Công ty CP Phân bón Miền Nam tính theo phương pháp P/E là **22.860** đồng.

**Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức**

Giá trị một cổ phiếu của Công ty CP Phân bón Miền Nam:

$$P = \text{DIV}_{2013} + (\text{DIV}_{2014} / (1+r)) + (\text{DIV}_{2015} / (1+r)^2) + (\text{DIV}_{2016} / (1+r)^3) + (\text{DIV}_{2017} / (1+r)^4) + (P_{2017} / (1+r)^4)$$

Với $P_{2017} = \text{DIV}_{2018} / (r-g)$

Trong đó:

$\text{DIV}_{2013} = 2.000$ đồng/ cổ phiếu (đã trả vào tháng 07/2014)

$\text{DIV}_{2014} = 1.500$ đồng/ cổ phiếu (dự kiến sẽ trả vào Quý 3/2015)

$\text{DIV}_{2015} = 1.500$ đồng/ cổ phiếu

$\text{DIV}_{2016} = 1.500$ đồng/ cổ phiếu

$\text{DIV}_{2017} = 1.500$ đồng/ cổ phiếu

$\text{DIV}_{2018} = 1.500$ đồng/ cổ phiếu

g: Tốc độ tăng trưởng được giả định bằng tốc độ tăng trưởng cổ tức bình quân theo 5 năm kế hoạch từ 2014 đến 2018. Do dòng cổ tức ổn định không đổi (1.500 đồng/ năm) nên $g=0\%$.

r: Suất chiết khấu = $R_f + R_p = 6,7\% + 9,34\% = 16,04\%$

R_f : Lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 03 năm do Kho bạc Nhà nước tổ chức đấu thầu gần nhất ngày 20/02/2014. Lãi suất trúng thầu là 6,7%/năm.

R_p : Phụ phí rủi ro của Việt Nam. Giả định xác định theo hướng dẫn định giá của Damodaran được cập nhật vào tháng 1/2014 : http://pages.stern.nyu.edu/~adamodar/New_Home_Page/datafile/ctryprem.html.

Phụ phí rủi ro của Việt Nam là 9,34%.

Bảng định giá theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

Chỉ tiêu	Kết quả
DIV 2013	2,000
$\text{DIV}_{2014} / (1+r)$	1,293
$\text{DIV}_{2015} / (1+r)^2$	1,114
$\text{DIV}_{2016} / (1+r)^3$	960
$\text{DIV}_{2017} / (1+r)^4$	827
$P_{2017} / (1+r)^4 = (\text{DIV}_{2018} / (r-g)) / (1+r)^4$	5,158
P	11.352

Như vậy, giá một cổ phần của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam tính theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là **11.352** đồng/cổ phiếu.

**Tính giá bình quân của hai phương pháp****Bảng 34: Giá cổ phiếu bình quân của Công ty**

	Giá	Trọng số	Giá x Trọng số
Phương pháp P/E	22.860	1/2	11.235
Phương pháp Chiết khấu dòng cổ tức	11.352	1/2	5.676
Giá bình quân			17.106

Dựa trên kết quả của hai phương pháp tính giá trên và sự cân nhắc của Ban lãnh đạo, Công ty đã thống nhất đưa ra mức giá **16.000 đồng/cổ phiếu** làm giá niêm yết dự kiến của Công ty.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong công ty cổ phần đăng ký giao dịch hoặc niêm yết, cụ thể là tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty đến ngày 30/06/2014 là 0 cổ phiếu.

8. Các loại thuế có liên quan

Công ty đang chịu các loại thuế theo luật định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài. Các cổ đông sẽ chia sẻ các loại thuế này khi nắm giữ cổ phiếu Công ty, ngoài ra cổ đông còn chịu thêm thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì bắt đầu từ năm 2014 Công ty áp dụng mức thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế của Công ty.

Thuế Giá trị gia tăng

Theo Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng thì hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón của Công ty thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng 05%.



PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3823 3299

Fax: 08 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

(Thực hiện kiểm toán năm 2012)

Trụ sở chính: Tầng 14 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3868 9566 – 3868 9588

Fax: (04) 3868 6248

Website: www.kiemtoanava.com.vn

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

(Thực hiện kiểm toán năm 2013)

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04) 3824 1990

Fax: (04) 3825 3973

Website: <http://www.aasc.com.vn>

PHẦN VI: PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục VI:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, năm 2013
4. **Phụ lục VII:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2014
5. **Phụ lục V:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT
6. **Các phụ lục khác**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11... tháng 11... năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phùng Quang Hiệp

Trưởng Ban Kiểm Soát

Hà Thanh Sơn

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Tấn Đạt

Kế Toán Trưởng

Trần Hữu Công



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .../... tháng .../... năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)



Giám Đốc Điều Hành

Trịnh Thanh Cần